

# NGUYỄN XUÂN HOÀNG



*Bất cứ lúc nào,  
Bất cứ ở đâu*

VĂN

# BẤT CỨ LÚC NÀO BẤT CỨ Ở ĐÂU

*NGUYỄN XUÂN HOÀNG*

**bất cứ lúc nào  
bất cứ ở đâu**

**Nguyễn Xuân Hoàng**

*Bìa: **NXB VĂN***

*Nguồn: Internet*

*Trình bày: **Muôn Phương***

***Muôn phương góp lại, trả về muôn phương***

**bất cứ lúc nào  
bất cứ ở đâu**

**NGUYỄN XUÂN HOÀNG**

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN  
California, USA, 1998**

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

MÙ SƯƠNG

SINH NHẬT

KẺ TÀ ĐẠO

Ý NGHĨ TRÊN CỎ

KHU RỪNG HỰC LỬA

BẤT CỨ LÚC NÀO, BẤT CỨ Ở ĐÂU...

NGƯỜI ĐI TRÊN MÂY

SA MẠC

CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ

BỤI VÀ RÁC

## MỤC LỤC

|                                                 |     |
|-------------------------------------------------|-----|
| 1. Bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu                 | 15  |
| 2. Giả đồ                                       | 25  |
| 3. Không một ngọn nến nào<br>cho ngày sinh nhật | 41  |
| 4. Một tinh cầu khác                            | 67  |
| 5. Những trái cao su ở Sài Gòn                  | 88  |
| 6. Giáng sinh hãy chờ                           | 100 |
| 7. Dưới tàn cây trứng cá                        | 123 |
| 8. Nhưng, ta không thấy gì hết                  | 154 |
| 9. Vòng tròn                                    | 163 |

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cho in lại tập sách nhỏ này, Văn muốn mở đầu việc tái bản một số tác phẩm đã ấn hành trước 1975. Do phương tiện còn eo hẹp, chúng tôi xin bắt đầu bằng tập truyện, tùy bút “Bất Cứ Lúc Nào, Bất Cứ Ở Đâu” của Nguyễn Xuân Hoàng.

Không có trong tay bản chính của cuốn sách, chúng tôi đã nhờ bạn hữu sưu tập những bài viết rải rác trong các tập báo cũ, cho nên trong bản in lần này

có thể có đôi bài không có trong bản cũ, và ngược lại, có đôi bài trong bản đã in không có trong bản này.

Tác giả trong khi đưa in cho biết có sửa chữa cắt bỏ đôi chỗ. Hy vọng những dòng chữ trong tập sách này vẫn còn mang đến cho bạn một kỷ niệm của những ngày đã qua.

Trân trọng.

## BẤT CỨ LÚC NÀO, BẤT CỨ Ở ĐÂU

**E**m đừng hỏi giờ này tôi đang làm gì và đang ở đâu. Lúc này đây, khi viết những dòng chữ này cho em, tôi đang ngồi trong tòa soạn của một tạp chí nằm trên con đường Phạm Ngũ Lão. Con đường ấy, khá nhiều nhà in, nhà báo, nhà phát hành, chắc em đã biết, là một con đường nhỏ, đầy bụi và nhiều xe. Trên bàn làm việc của tôi hiện có một lá thư của “nhà-làm-kịch-không-bao-giờ-



dụng-kịch” gửi cho tôi, nhưng tôi không hiểu gì cả. Có lẽ ông ta lầm tôi với một người nào khác có một cái tên tương tự. Những cái tên tương tự! Có bao nhiêu cái tên tương tự như tên của tôi, và tên của em trong cõi đời này. Và em, Vy của tôi, tên em phải viết i ngắn hay y dài? Và tại sao phải là y dài mà không là i ngắn?

Lúc viết những dòng này cho em, những người thợ sắp chữ vừa vổ bản in truyện ngắn của tác giả Rừng Mắm đặt trên bàn tôi, cây quạt trần đang xoay theo một tốc độ chậm nhất, và mưa rơi ngoài kia. Mưa ào ạt như tiếng kêu thất thanh của một người bị săn đuổi, chờ chết. Tại sao lúc nào tôi cũng thích nhìn những trận mưa thúì trời thúì đất. Mưa điên cuồng, man dại; mưa ập xuống như cái thúng chụp không thương tiếc ngậm ngùi...

Thế còn em, nơi em ở hiện giờ trời đang có mưa không? Những trận mưa đầu mùa nắng là những dòng nước được đợi chờ. Mưa luôn luôn làm tôi nhớ em. Nhớ những hôm nào em ngồi sau chiếc xe lambretta màu bạc của tôi. Hơi thở tình yêu của em đã thổi ấm xuyên suốt lưng tôi, hâm nóng một trái tim tưởng chừng đã nguội lạnh, thổi bay đi những đám mây buồn bã từ bấy lâu nay vẫn ám mãi xuống đời tôi. Ôi những trận mưa hân hoan tâm tã; mưa biển mưa rừng, mưa cao nguyên, mưa đồng bằng. Mưa chảy trong tôi tình yêu muôn màng, mưa xối trong em tình yêu vừa mới lớn. Những giọt nước mưa hy vọng đang ướm sũng cuộc đời chúng ta.

Bữa qua có tin từ mặt trận về cho hay chiến trường miền Trung đang hồi ác liệt, một bạn tôi vừa mất xác. Sáng nay

trên cao nguyên báo xuống, một người bạn khác nữa của tôi mới vừa tử trận. Những tin tức ấy đã làm tôi chảy nước mắt. Bao nhiêu người ở tuổi tôi đang đôi mắt với cái chết, tại sao tôi vẫn ngồi đây yên ổn. Và tại sao tình yêu của chúng ta? Có phải tôi là một người may mắn bất hạnh. May mắn mà sống sót, nhưng bất hạnh thay chưa sống đủ kiếp người.

Có phải là một điều nhảm nhí không khi ta nói đến tình yêu trong một thời đại mà người ta chỉ đề cập đến sự chết. Tôi vẫn nghĩ rằng con người càng đến gần với tình yêu chính là tiến gần đến cái chết. Yêu là chết. Và trước cái chết, người ta bao giờ cũng ham muốn sự sống. Và sự sống là gì nếu không là tình yêu? Nguy biến quá, phải không?

Vy yêu, cho đến bây giờ tôi vẫn không thể nào lường tượng ra nỗi nơi

ăn chôn ở của em. Thành phố trên cao ấy đã một thời nhìn thấy tôi lớn lên, đã nghe tôi thở, đã thấy tôi yêu, đã chứng kiến những trận đòn thù trên Đồi Cù, đã dí tôi trong quán cà phê Huyền nửa đêm về sáng. Và giờ đây những dấu chân em in trên con đường đất đỏ dưới những cơn mưa tầm tã đang làm tôi thương nhớ em. Cánh cửa sổ từ căn phòng em ở mỗi sáng mở ra có thể nhìn thấy chằng đỉnh núi Langbiang? Quyển sách nào em đang đọc? Và tờ thư nào em đang viết dở cho tôi?... Tôi đang nghĩ đến em, đến hơi thở em, khuôn mặt thần thánh em... Sẽ buồn biết bao nếu trí tưởng tôi không còn cái khả năng tưởng tượng ấy nữa, cái khả năng khiến cho đời sống tình cảm chúng ta giàu có hơn, màu sắc hơn...

Em có còn nhớ những quán nước quán ăn mà chúng ta đã đến: một chỗ

sang trọng, một nơi tồi tàn; những cuốn phim ta đã cùng xem: đam mê, hung bạo, hay dịu dàng và thơ mộng; những khúc nhạc mà chúng ta đã từng nghe chung với nhau trong một tối nào: quyến rũ và lôi cuốn. Và hơi thở em tràn ngập trong lồng ngực tôi. Thân thể em trong vòng tay cuồn cuộn đại tôi.

Ừ, nhiều khi tôi ước phải chỉ chúng ta là cỏ cây hay loài vật, chúng ta sẽ yêu nhau như loài thú hoang giữa đất trời mà không sợ bóng dáng của Thần Tuyệt Vọng. Như loài thú, chúng ta rong chơi trong rừng, nằm dưới bóng mát của những tàn cây và ngủ an nhiên trên xác lá khô. Như cỏ cây ta không thềm mọc vội vàng. Ta lớn theo gió, và nắng và mưa sẽ làm ta rắn chắc hơn. Cái vòng tròn vàng óng buổi sáng sẽ đánh thức ta dậy, mặt trời đỏ hực buổi chiều sẽ gọi ta

về, và trăng sao trên cao sẽ soi thấu tình yêu của chúng ta.

Vy yêu, bây giờ là mười giờ. Buổi sáng trong một tòa soạn báo. Tiếng máy chạy ì ầm. Những bản vở ướt mực và ướt nước. Cơn mưa đã dứt. Trời trong suốt và nắng đang thổi luôn những hơi thở nóng hổi trên thành phố tôi đang ở. Có lẽ những con đường rợp bóng cây mà chúng ta đã đi sau trận mưa lớn đã ngập nước, vòm cong của những tàn me cụm đầu dài đến cổng trường Saint-Paul còn óng ánh chút nước mưa đã rơi trên đầu chúng ta theo từng cơn gió nhẹ. Giờ đây, tôi không biết mình đang đốt đến điều thuốc thứ mấy trong ngày nhưng tôi biết là tôi đang nghĩ đến em.

Vy yêu, em có còn nhớ cái lối quảng cáo của người Nhật về những sản phẩm đặc chế của họ. Bất Cứ Lúc Nào, Bất Cứ

Ở Đâu Cũng Chỉ Có Hai Ta. Ừ, cũng chỉ có hai ta.

Ngày mai, tôi sẽ phải vào bệnh viện trở lại. Những dấu hiệu tái phát của căn bệnh cũ đang bắt đầu lộ diện và đang hành hạ tôi. Bạn tôi bảo: “Mày chưa chết đâu. Đừng sợ. Sống thì khó chứ chết thì ai mà chẳng có phần.”

Buổi sáng hôm nay, sau cơn mưa mặt đường trước tòa soạn sạch trơn. Nhưng sao mà lòng tôi vẫn còn đầy chật hình bóng em. Nhớ em, nhớ những sợi tóc dài buộc chết đời tôi, nhớ hai con mắt màu nâu thâm lặng, nhớ cái mũi hếch kiêu căng, nhớ giọng nói sao mà ngọt ngào kỳ lạ. Nhớ nụ cười em tràn ngập cơn mê tôi, nhớ đôi chân dài quấn quýt, nhớ bờ ngực nặng, nhớ hơi thở nóng, nhớ hai bàn tay hốt hoảng của em,...

Nhưng sao tôi vẫn có cảm tưởng như rồi ra chẳng bao giờ chúng ta còn có cơ hội gặp lại nhau nữa. Bởi vì, giữa tôi và em, chúng ta có bao nhiêu là sông núi, bao nhiêu là hố thẳm, bao nhiêu thung lũng, bao nhiêu biển trời. Có cả sương mù và sấm sét. Có đêm và ngày. Có cả “Khổng tử” và gia phong. Và...

Thư từ làm cái gì, chữ nghĩa cũng sẽ chỉ là điều vô ích, một khi người ta không còn muốn đọc nhau nữa.

Phải không?

Tháng Chín 1968

## GIẢ ĐỒ

**T**hư từ làm cái gì, chữ nghĩa cũng sẽ chỉ là điều vô ích, nếu một khi người ta không còn muôn đọc nhau nữa.

Phải, tôi đã viết như thế cho em. Và em đã không bằng lòng. Em làm như thể chúng ta là những trang sách thần tiên, đọc hoài nhưng không bao giờ hết. Em muôn tôi biên cho em một cái thư dài. Và đừng bao giờ viết những lời như thế. Nhưng em đã chờ mãi và thư không bao giờ đến. Đừng bao giờ ngụy biện rằng

tình yêu chúng ta không cần thư từ chữ nghĩa làm trung gian. Một mối tình trực tiếp như ngôn ngữ các thiên sư. Em đã nói thế.

Nhưng mà tôi vẫn nghĩ sự im lặng nhiều khi còn hơn cả nghìn lời nói. Cái ngôn ngữ của con người sao mà nghèo nàn và thiếu sót như thế. Nói ra được điều này thì đôi khi khiến người nghe hiểu lầm ra điều kia. Ngôn ngữ nhiều lúc phản bội con người.

Nhưng, nếu nói đến như thế mà em vẫn không bằng lòng thì cách tốt nhất theo tôi là kể cho em nghe một vài câu chuyện, về một vài người, một vài việc có dính dáng chút ít đến tôi, đến em, hay cũng có thể là chẳng dính dáng gì đến ai hết. Bởi vì, biết đâu, may ra,...

Trước hết chúng ta sẽ bắt đầu bằng

Kim. Đó là một người đàn bà trẻ con mà thời gian và những biến cố thời sự chẳng ảnh hưởng gì đến nhan sắc và tuổi tác của cô.

Chắc em sẽ hỏi tại sao phải bắt đầu bằng Kim? Tại vì mới chiều hôm qua đây, tôi vừa gặp lại Kim. Kim lái chiếc xe thể thao, màu đỏ thẫm, mui xếp.

Cô mạnh bạo bước thẳng vào chỗ bàn việc tôi, vừa đi vừa đung đưa chùm chìa khóa xe. Tóc Kim cắt ngắn, chải tём, ngổ ngáo như một nhân vật của Sagan. Kim mặc váy ngắn màu da bò, sơ-mi dài tay vải mùng, lâm tâm hoa vàng.

– Em có chuyện muốn nói với anh.

Kim đã bắt đầu như thế.

Kim không thay đổi mấy. Vẫn cách vào đề nhanh, gọn và hơi sỗ sàng, mặc

dù, có đến ba năm nay tôi và Kim không gặp nhau.

– Anh lái thử xe mới của em nhé?

– Xe mới?

Tôi đứng dậy, xếp giấy tờ vào hộp bàn, giao việc lại cho người bạn, đi ra với Kim.

Chắc là em sẽ kêu lên tại sao tôi lại nhận lời Kim một cách dễ dàng như thế, phải không?

Làm thế nào được! Bởi vì, Kim là người rất thân của tôi, một người dính líu với đời tôi chẳng chịt bởi những sợi dây gia tộc và tình cảm. Và bởi vì đối với tôi, Kim cũng chính là một phần đời tôi.

Kim không lớn tuổi hơn em là bao, nhưng cái vẻ bề ngoài của Kim luôn luôn

làm cho người đối diện phải bối rối. Cô là một người đàn bà quyến rũ và quyền lực. Quyền lực và truan chuyên.

Mới chừng ấy tuổi mà đời Kim đã ba lần gẫy đổ. Người thứ nhất là T. , bạn tôi, một người bạn thời trung học, con nhà “rất” giàu, và không được thông minh mây. Tuy vậy, cuộc hôn nhân với T. không bền như mọi người tưởng vì tình yêu của Kim dành cho T. được ràng buộc bằng tiền bạc nhiều hơn là bằng tình yêu, tôi dám chắc như vậy. Gia đình T. có khá nhiều bất động sản ở Sài Gòn và Đà Lạt. Một trong những khách sạn lớn trên thành phố mà em đang sống là của T., nhưng do bà dì ghẻ của T. quản lý. Thuở đó, gia đình Kim cũng ở Đà Lạt, nhà ở đường Hoa Hồng. Một buổi sáng mùa đông, trời lạnh khủng khiếp, T. ở trần, đến trước nhà Kim, đứng vào giờ

Kim và mấy bà chị ra xe đi học. T. đứng ngay trước đầu xe, run rẩy, nhột nhột, xanh tái và ngã xuống. Cả nhà Kim sợ hãi, khiêng T. vào nhà, xoa dầu, quần chần mền kín người T., cuống cuống gọi bác sĩ chẩn bệnh cho T. Sau này Kim kể lại:

– Ông bạn của ông tán gái kiểu đó thì Kim đành phải nhận lời cầu hôn thôi, chứ còn biết nghĩ gì nữa.

T. nhỏ con, gầy ốm, học dở, ham chơi. Vừa xong trung học, T. cưới Kim, một đám cưới thật lớn của hai người chả có trong tay một tí nghề làm vốn. Bố T. cho ngay vợ chồng T. một ngôi nhà ở đường Tự Do Sài Gòn, nhưng T. nhất định không chịu ở, anh bán nhà lấy tiền đưa Kim đi Pháp “để cậu T. tiêu tiền cái đã”. Và không đầy ba tháng sau Kim bỏ

T. ở lại Paris, trở về Việt Nam một mình. Kim nói: Ông bạn của anh đóng kịch dở. Bây giờ anh ta lại “cua” một con đầm tóc vàng kiểu “ở trần đứng trước nhà dưới trời tuyết lạnh.” Người chồng thứ hai của Kim là một ông sĩ quan không quân đẹp trai, cao lớn, khỏe mạnh, một nhân vật thời sự. Tôi nghĩ là Kim rất hợp với C. con người nhiều quyền lực của một đất nước đang bị ngự trị bởi những người hùng thời đại. Nhưng mối tình tưởng là lớn ấy đã chấm dứt một cách đột ngột và thảm hại. Một trái B-40 “phía bên kia” đã dội xuống đúng vào chỗ đứng của C. trong một trận công kích ngay tại phi trường quân sự. Người đàn ông mệnh yếu kia đã bỏ Kim ở lại một mình với những tham vọng không đáy của cô cùng một ngôi nhà, và một số tiền khá lớn, đủ để cô sống một đời nhàn hạ, và một đứa



con để Kim biết mình đã là một bà mẹ. Nhưng Kim không phải là loại người ưa sự cô đơn.

Một thời gian sau, không lâu, Kim sống với một người ngoại quốc đã quá ngũ tuần, một giáo sư dạy văn chương Pháp của Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Ông Gauthier người giữ mục tạp ghi trên một tờ tuần báo Pháp phát hành tại Sài Gòn. Có lần Kim nói với tôi “Gauthier là một nhà văn. Ông ấy không giàu đâu, nhưng Kim yêu ông ấy. Một nhà văn Pháp hẳn là rất khác với một nhà văn Việt Nam.” Nhưng khác như thế nào, Kim không nói, có lẽ Kim cũng không biết gì để mà nói. Có lần trường Văn Khoa tổ chức đêm văn nghệ, ông Gauthier đã lên sân khấu hát. Chất giọng ông rất tốt, và cách trình diễn ông không thua gì một ca sĩ nhà nghề. Là một giáo sư đại học, nhưng

ông Gauthier là người thích la cà, lang thang trên những đường phố Sài Gòn về đêm. Áo sơ mi hở cổ, choàng bên ngoài một veston màu sáng, Gauthier thường thả dợc trên đường Tự Do và Nguyễn Huệ, như một kẻ nhàn du. Nhiều bạn tôi là học trò ông. Và tôi không ngạc nhiên khi thấy tình yêu của Kim dành cho ông...

Khi xe dừng ở một ngã tư đèn đỏ, tôi hỏi Kim:

- Hồi này đời sống tình ái của bà ra sao?
- Kim hả? Kim vừa chia tay Gauthier!
- Nghĩa là sao?
- Nghĩa là chàng đã ra đi.

- Đi đâu? Hồi nào?
- Về Pháp hơn hai tháng nay, anh ạ!
- Tại sao?
- Sao lúc nào anh cũng hỏi tại sao vậy?
- Tội nghiệp.
- Tội nghiệp ai?
- Tội nghiệp em... và tội nghiệp cả cái ông Gauthier của em.
- Anh chỉ được cái vợ vẫn.

Sau bao nhiêu năm không gặp, Kim cũng thế, vẫn giống y cái cô gái nhỏ ngày xưa, ham thích giàu sang và ưa phô trương bề ngoài.

- Bây giờ mình đi đâu? Tôi hỏi.

Kim nói đi Chợ Lớn, đến cái quán tàu Phúc Kiến ở đường gì gì đó. Tôi thật chẳng nhớ cái tiệm ăn Phúc Kiến nào hết, nhưng chiều ý Kim, tôi lái xe chạy rong khắp những ngõ ngách, dò dẫm trong cái thành phố đầy người. Kim nói rẽ sang bên này, rồi cô lại kêu rẽ bên kia. Sau cùng tôi đành phải tấp xe vào một quán mì bên đường trong một con hẻm ở Chợ Lớn. Kim trách tôi có trí nhớ kém. Và rốt cuộc tôi gọi một tô mì cho Kim, ngồi nhìn cô ăn.

- Anh không ăn sao?
- Không. Không thấy đói.
- Ăn một mình kỳ thay mô!

Kim nói như vậy, nhưng Kim đã ăn một mình và ăn một lúc đến hai tô.

Nhìn Kim ăn uống một cách tự

nhiên và hào hứng, tôi bỗng nhớ đến em. Tôi thích những người đàn bà ăn nhiều. Chứ có đâu như em. Ăn gì như là gió lướt mặt hồ, sóng nước có chao đi một chút đấy, nhưng rồi đâu lại vào đó, hồ nước vẫn nguyên vẹn không mất mát cái chi. Nhiều lúc tôi có cảm tưởng như em không buồn thở nữa. Vậy mà em vẫn sống. Và tình yêu bất chợt của chúng ta như một cơn gió thoảng, chẳng ai ngờ. Phải không?

Trên đường về, Kim giữ tay lái, cô đưa trả tôi trở lại chỗ làm, và như vậy là hai đứa chia tay. Có thể một năm sau tôi mới gặp lại Kim, cũng có thể ngày mai cô sẽ gọi dây nói cho tôi, mặc dù cô vẫn ở đâu đó quanh quẩn trong thành phố này. Dù sao, tình bạn giữa Kim và tôi vẫn còn nguyên vẹn không có chi làm sút mẻ được.

Chắc là em sẽ kêu lên: không, không bao giờ lại có thứ tình bạn nào giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Em kêu lên như thế cũng là đúng thôi. Trên cõi đời này làm gì có thể có được một thứ tình bạn như thế. Chẳng qua đó chỉ là một thứ tình yêu trá hình. Hay phải gọi đó là một thứ tình bạn quá đà. Có một cái gì chua xót trong sự giao du đó, một cái gì buồn bã trong thân xác, một thứ lãng mạn xưa cũ nay không còn nữa, và có chăng chỉ là sự cuồng nhiệt của thân xác che đậy bằng một thứ ngôn ngữ đã mòn mỏi.

Vy có còn nhớ con đường mà chúng ta đã đi dưới vòm bóng mát của hai hàng cây, buổi hẹn đầu tiên trong quán cà-phê đầy bóng nắng, và đôi mắt em thấp sáng bóng tối đời tôi. Em đã đến như một người làm vườn kiên nhẫn dọn dẹp và

tươi bón lại cỏ cây trong khu vườn hoang dại nhà tôi.

Nhiều lúc tôi tự hỏi liệu em có thể chịu đựng nổi cách sống của tôi? Buông thả, bất cần đời, dễ tin người, xâu tính, cộc cằn và rất nhiều tham vọng. Vy thương yêu,

Tôi tưởng có thể kể cho em thêm một vài người nữa, như Nhung chẳng hạn, cũng có thể nói về Huyền mà em đã biết, và Bạch Tường, và Isabelle, và...

Nhưng, thôi, tôi không dại. Chừng đó cũng đủ để em không muôn đọc thư tôi rồi. Phải không?

Cứ gì phải có thư từ mới là có tình yêu?

Hôm nào em xuống lại Sài Gòn, tôi sẽ lại mời em đi uống trà Hoàng Cúc một

lần nữa. Cái quán Hoàng Gia đó, coi bộ vậy mà hay. Phải không?

Em có muốn tôi rủ Kim cùng đi không?

## KHÔNG MỘT NGỌN NẾN NÀO CHO NGÀY SINH NHẬT

**Tháng Bảy, 1969**

Có phải em đang ngồi nghe tôi nói đây không? Có phải chính em đã lắp cuộn băng nhựa này vào máy? Có phải em đang chờ đợi nghe xem nốt nhạc nào sẽ mở đầu cho cuộn băng này bởi vì em đã tìm kiếm, đã lật qua lật lại mặt trước mặt sau chiếc hộp bằng bìa cứng mà không tìm thấy được tờ mục lục ghi tựa bài hát và tên ca sĩ trình bày.

Dù sao, rốt cuộc chắc em cũng đã nghe xong khúc hát mở đầu. Chẳng có gì lạ. Phải không Vy? Đó chỉ là một bài tình ca thông thường như mọi khúc hát mà ta vẫn thường nghe.

Nhưng cái chính của ca khúc này là lời từ của nó. Đó là một tiếng kêu than tuyệt vọng của một người nam sống thường trực trong một tình trạng sắp đánh mất một cái gì vô cùng quý giá và sẽ không bao giờ tìm lại được. Một nỗi sợ hãi gần như khiếp nhược của một mối tình mà trong đó người đàn ông trở thành cái bóng nhòe nhoẹt của người nữ. Tôi không muôn mình là một thứ đàn ông như thế, nhưng tôi muôn em nghe ca khúc này như một cách đọc một tác phẩm ở phần âm bản của nó.

Em cứ thử bấm nút và cho máy chạy ngược cuộn băng lại coi. Vy, em có nghe tôi đang nói không?

Em,

Khi nào em mệt mỏi,

Thì em, hãy cầm lấy tay anh,

Ấy con đường, con đường đưa em tới, đưa tới vùng, vùng mây trời biển xanh.

*Em ơi,*

*Khi nào em tội lỗi,*

*Mời em, hãy dẫm lên đời anh Đừng quên anh đã có thừa ô nhục*

*Và nơi đây cũng không còn thần linh*

...

*Khi nào, khi nào em tuyệt vọng  
 Thì xin em hãy cầm dao giết anh  
 Vì anh như tấm gương soi đối mặt em  
 đó  
 Vỡ một lần,  
 Vỡ một lần cho xong.  
 ...*

Thơ Mai Trung Tĩnh

Lời của bài hát này gợi em nhớ điều gì? Em có nghe thấy từ cái âm thanh ấy làm bật ra hình ảnh nào của hai chúng ta?

Có phải đó là một buổi sáng, trên chuyến xe chạy xuyên qua cánh rừng cao su, gió lạnh buốt thổi thốc tung tóc em, làm chúng ta co ro, tím sần da mặt? Và

người tài xế đã cho chạy cuốn băng nhựa mang khúc hát này, như thể tiếng hát xa lạ ấy như đang ghi giúp cho chúng ta một kỷ niệm. Những lời từ của bài hát đó bay ra như một chuỗi những đắng cay của một mối tình không lời thoát. Và người đàn ông trong lời nhạc làm tôi khó chịu, nhưng tôi chẳng thể nói ra điều ấy với em. Không cần đâu tôi đã nghĩ như vậy khi em dụi đầu vào ngực tôi, cầm lấy tay tôi. “Không, em chẳng bao giờ dẫm lên đời anh.” Em đã nói thế.

Có phải đó là một buổi trưa, ngã lưng trên chiếc ghế vải, dưới bóng mát của những chiếc dù và trước mặt biển xanh với bãi cát vàng đầy những hạt to thô và bẩn, em đã hỏi tôi rằng làm thế nào để những người yêu nhau không bao giờ phải xa nhau. Câu hỏi đó tôi chưa thể trả lời ngay. Tôi đã phải che mắt mình bằng

đôi kính đen to vì lúc đó một phần mặt trời chói nắng dữ quá, và phần khác cổ thể vì lúc đó tôi đã nhìn thấy sự tuyệt vọng của hai chúng ta.

Tuyệt vọng?

Em không nhận ra được nỗi tuyệt vọng đó sao? Những cô bạn nhỏ của em, những ông bạn lớn của tôi, và cái thành kiến đã trở thành xương thịt, máu huyết họ...

Vy. Em có nhớ điều gì đã xảy ra hồi chiều hôm qua? Không phải là tôi nghi ngờ trí nhớ của em. Bởi vì theo tôi hôm qua trong sinh nhật tôi em đã là một người có-mặt- khiếm-diện. Phải, em có đó mà như không có đó. Em đứng giữa mọi người mà em chẳng thấy một ai.

Chiều hôm qua, không, có lẽ nên gọi

là tối hôm qua mới phải. Vì lúc đó bên ngoài trời đã tối từ lâu lắm và mọi người đang quây quần chung quanh chiếc bàn dài trong căn phòng khách hẹp đầy những bánh trái thức uống và những gói quà mà em và các bạn em đã dành cho tôi.

Em có nhớ là sau khi chúng ta đã nghe Hồng hát một ca khúc buồn thảm của thời đại, Rita phê bình về cái tính hung dữ của tôi, em đã nhìn tôi bằng cái nhìn kỳ lạ, hơi ngơ ngác và đầy thắc mắc, và bỗng nhiên em đã hỏi tôi tại sao không có một ngọn nến nào cho ngày sinh nhật hôm nay.

Câu hỏi của em làm mọi người ngạc nhiên. Nhưng tôi không ngạc nhiên. Sinh nhật? Tôi chưa bao giờ biết thế nào là sinh nhật trong đời tôi cho đến ngày hôm qua. Gia đình tôi không có thói



quen đó. Cha tôi là một người nhà binh ít nói. Đời sống ông lặng lẽ bên những ly rượu và những cuốn sách. Những bộ truyện Đông Châu Liệt Quốc và Thủy Hử để trên đầu giường cha tôi, tôi thấy ông đọc đi đọc lại hoài không chán. Ông bảo lịch sử – ông cho Đông Châu Liệt Quốc và Thủy Hử, Tam Quốc Chí,... là những bộ sử – luôn luôn tái diễn và con người ngày nay thật ra không hơn con người ngày xưa là bao. Không bao giờ tôi nghe ông nói đến chuyện sinh nhật.

Có lần tôi nghe bà chị tôi ở trường về nói chuyện đi dự sinh nhật của một người bạn cùng lớp, chị kể bằng một giọng hứng khởi, thích thú, có vẻ như chị cũng muốn được cha tổ chức cho chị một buổi như thế, nhưng cha tôi đã phán ngay một câu:

– Chuyện ruồi bu!

Chuyện sinh nhật trở thành chuyện ruồi bu, và như thế sau lời phán của cha tôi cả nhà hiểu ngầm là không bao giờ tính chuyện “ruồi bu” cho bất cứ ai. Và lại, mẹ tôi, em không biết đâu, là một phụ nữ lam lũ, chạy ăn từng bữa cho một gia đình năm người con đã muốt mồ hôi, đừng nói chi chuyện sinh nhật với sinh nhật. Sách vở báo chí lại càng xa lạ với bà hơn nữa.

– Đồ cái thứ xa xỉ phẩm ấy, chỉ làm rối mù trí óc con người ta thôi. Hay ho cái gì chứ!

Như vậy em đã hiểu hôm qua là sinh nhật lần đầu của một người đàn ông vừa ba mươi tuổi là tôi. Tôi đã đón nhận nó không phải vì tôi muôn chơi trò chơi xa xỉ mà tôi đón nhận nó vì em. Nhưng, tôi chắc là thế nào em cũng sẽ ngắt lời tôi, rằng tôi nói quanh nói quẩn mà không

giải thích được có sự nào không có ngọn nển cho ngày sinh nhật chiều hôm qua.

Ừ, nếu nói quanh co như thế mà em vẫn không chịu thì đây, câu chuyện nó là như thế này...

Hồi đó tôi học lớp đệ tứ và mới vừa mười bốn tuổi. Gia đình trong thành phố miền biển, nhưng tôi lại là một đứa trẻ trong một tháng không bao giờ sống quá một tuần trong chính căn nhà của cha mẹ mình. Lúc thì tôi ở nhà Tòng, con ông chú tôi; lúc thì ở nhà Lân, người bạn hiền lành và tốt bụng mãi cho đến giờ tôi chưa thấy ai tốt hơn anh; lúc thì tôi ở nhà Tôn, một người bạn cùng lớp, người bạn mà suốt đời tôi không thể nào quên được, mặc dù chúng tôi đã xa cách nhau quá lâu. Dì của Tôn (chính ra Tôn phải gọi là mẹ mới phải vì bà là người sanh ra Tôn) là một người đàn bà đẹp, đẹp như

một thiên thần trong những chuyện cổ tích Tây Phương, tôi nghĩ vậy; và bây giờ khi nhớ đến khuôn mặt bà tôi vẫn còn tiếp tục nghĩ và thấy như vậy. Lúc đầu tôi ăn uống tại nhà Tôn, thỉnh thoảng ngủ qua đêm tại đó, nhưng về sau tôi ở luôn trong nhà Tôn như một đứa con trong gia đình. Dì của Tôn chính là người mẹ thứ hai của tôi. Bà chia sẻ cho tôi những gì bà dành cho Tôn, những đồng bạc quà sáng, ly chè sau bữa ăn tối, thuốc men khi tôi bị đau ốm, đồng tiền bỏ túi vào ngày cuối tuần và hơn tất cả những thứ đó, tình thương của một bà mẹ dành cho một đứa con hoang đàng chi tử phiêu bạt trở về là tôi.

Nhà Tôn ở ngay mặt đường Hoàng Tử Cảnh. Chiếm trọn hai căn. Một căn làm quán ăn và một căn dùng để ở. Những sĩ quan thuộc các binh chủng hải

quân, không quân,... đang trấn đóng hay thụ huấn tại đây vẫn thường tới lui ăn uống ở quán đó. Có nhiều lý do để tôi nghĩ rằng họ khó lòng rời bỏ được cái quán này. Thứ nhất là vì thức ăn ở đây được nấu rất khéo và ngon tuyệt. Thứ hai nữa, mà theo tôi lý do này có lẽ vững chắc hơn, là vì quán còn có Vân, một thiếu nữ Bắc kỳ, xinh đẹp một cách kỳ lạ. Đứng gần bên Vân tôi như cảm thấy được mùi da thịt ngọt ngào của một con vật giống cái làm ngây ngất trái tim vừa mới lớn của tôi.

Em muốn biết Vân bao nhiêu tuổi hả?

Sau này tôi mới biết là lúc bấy giờ chị vừa hai mươi tuổi, nhưng hồi đó, tôi không làm sao đoán được tuổi Vân. Tôi chỉ biết là chị trẻ lắm, chị thuộc thành phần di cư, chị sinh trưởng ở Hà Nội, bố

mẹ chị ở lại Hà Nội, chị một thân một mình vào Nam.

Vân được một sĩ quan quen với dì của Tôn giới thiệu. Và ngay tuần lễ đầu, qua cách chào hỏi đi đứng của chị, lối nói chuyện lễ phép và duyên dáng của chị biểu lộ rõ rệt cái nền nếp của một người con trong một gia đình có giáo dục, dì Tôn giao cho chị công việc thu tiền ở quán rượu. Vân trở thành thỏi nam châm của hàng ăn, nếu không muốn nói là thỏi nam châm của cả thành phố. Các sĩ quan và thanh niên khá giả trong cái thị trấn miền biển này là những mảnh sắt vụn nằm trong từ trường của Vân.

Hình như hồi đó tôi vô cùng khó chịu khi nhìn thấy Vân cười nói với bất cứ một người đàn ông nào. (Tại sao hả? Xin em đừng ngắt lời tôi.)

Những buổi tối, khi khách ăn đã về hết, quán đóng cửa, tôi thường mang sách vở sang học bài ở một bàn ăn.

Vân ngồi bên tôi và kể chuyện Hà Nội của chị cho tôi nghe.

Chị kêu là chị nhớ quay nhớ quắt Hà Nội, nhớ từng gốc cây phượng vĩ nghiêng đầu xuống mặt đường Quan Thánh, nhớ tiếng chuông tàu điện leng keng qua vườn hoa Hàng Đậu, nhớ cái màn sương trắng đục phủ kín chân cầu Long Biên, nhớ cái mặt đồng hồ lớn trên nóc ga Hàng cỏ..., nhớ người anh trai đã ở lại ngoài đó, nhớ người cha già mắt yếu hấp háy đọc truyện Tàu mỗi tối, nhớ khuôn mặt của mẹ lần cuối cùng xanh xao, tóc xõa dài mắt nhắm nghiền như ngủ giấc ngủ bình yên khi người ta liệm bà trong cỗ áo quan.

Và hơn tất cả những nỗi nhớ nhung đó là tình yêu của chị dành cho Thạc. Lúc nào tôi cũng nghe chị Vân nhắc đến anh Thạc, người tình thất lạc của chị, khi cả hai vừa đặt chân xuống thành phố Nha Trang cùng với đoàn người di cư.

Có lần Vân nói có lẽ anh ấy đã chết và chị nhắm mắt lại ngả đầu ra thành ghế. Tôi hỏi tại sao chị Vân buồn như vậy. Chị không trả lời. Hình như lúc đó tôi có được một nỗi thích thú: không ai thấy được nỗi buồn của chị ngoài tôi. Những tối không học bài được (Tại sao? Hồi đó tôi không hiểu nỗi những buồn bã ma quái cứ ám ảnh mình, nhưng bây giờ thì tôi đã hiểu) tôi muốn an ủi chị và làm mọi cách cho chị vui. Tôi kể cho chị nghe những câu chuyện cười trong lớp học mà thầy cô giáo đã kể, những quấy phá mà lũ bạn của tôi đã gây ra cho nhà

trường và các giám thị. Nhưng em biết đấy, tôi ăn nói vụng về và cộc cằn biết chừng nào. Dù sao, hồi đó tôi vẫn tin tưởng một cách chắc nịch là chị Vân cần đến tôi cũng như tôi rất cần đến chị.

Những buổi học tối của tôi từ khi có mặt của Vân bỗng dưng trở nên dài ra (trong lớp học tôi cứ mong tiếng chuông reo để có thể chạy thẳng một mạch về nhà), và tôi không làm sao có thể hiểu nổi được những phương trình toán học và những công thức kỳ cục của môn lý hóa nữa (những điều mà trước kia tôi là học sinh xuất sắc). Điểm hàng tháng và thứ hạng trong lớp của tôi bắt đầu xuống dốc một cách thảm hại. Nhà trường gửi giấy báo về cho gia đình và mẹ tôi nhờ người nhắn gửi với tôi là nên lưu ý đến việc học thêm một chút. Dì của Tôn lo lắng hỏi tôi tại sao, trong khi tôi điên

cuồng trong những ngày lính xả trại, mặc dầu tôi không nhìn thấy một dấu hiệu xấu xí nào nơi chị.

Thế nào là một dấu hiệu xấu xí hả ? Dấu hiệu xấu xí nơi Vân theo tôi, chính là sự thân mật suông sã của chị với một người đàn ông nào đó không phải là tôi. Không, chị vẫn nghiêm trang. Chị không phải là loại con gái cười cười nói nói. Chị đứng đó, chôn chân ở quầy hàng, biên giấy tính tiền, hơi nghiêng đầu chào một thực khách quen, và đọc chăm chú một quyển tiểu thuyết. Vân nói quyển này chị đã đọc một lần ở Hà Nội, nhưng chị vẫn thích đọc một lần nữa. Đọc vì cái công khó của Kha đã đi tìm cho chị. Tôi thấy cần phải cảm ơn chị và bỏ học ra biển, nằm một mình trên cát dưới gốc dừa, ngửa mặt nhìn trời, cười vỗ ngực với hạnh phúc lớn lao của mình.

Một buổi tối, như thường lệ tôi mang sách sang nhà hàng ăn học bài, khi thực khách đã về hết. Quán trống vắng. Những chiếc ghế được lật ngược úp sấp trên mặt bàn. Dì đã đi ngủ và Tôn thì đang đi sinh hoạt cùng một người bạn hướng đạo. Tôi chờ mãi với những trang sách mà vẫn không thấy Vân ra. Cửa buồng chị đóng kín, nhưng đèn thấp sáng. Tôi mở cửa ra sân ngồi xuống bậc thềm, buồn bã nhìn những ngôi sao trên trời và nghe thấm lạnh những đợt gió biển thổi qua thành phố. Không biết tôi ngồi đó đã được bao lâu, chỉ biết khi tôi nghe thấy mùi tóc thơm phức của chị Vân phả xuống cổ tôi và cái mát rượi của bàn tay chị chụp lên mắt tôi, tôi mới sực tỉnh lại. Chị hỏi tại sao Kha buồn? Tôi nói với chị là tôi không buồn, chẳng có gì làm cho tôi buồn được. [Tôi biết là tôi nói dối, nhưng làm thế nào được!]

- Thật không?
- Thật.
- Nhưng chị biết là Kha buồn!
- Tại sao?
- Không nói được. Thôi vào đi.
- Chị vào trước đi.
- Vào nhà, chị cho Kha xem cái này hay lắm.

Và tôi đứng dậy, cánh tay tôi trong bàn tay chị. Nhưng chúng tôi không ngồi ở bàn học như mọi bữa. Chị Vân đưa thẳng tôi vào buồng riêng của chị, căn buồng nằm sau quầy tính tiền, là nơi tôi vẫn hằng mơ ước nhưng chưa bao giờ được đặt chân đến. Ngọn đèn trong phòng chị tắt ngúm. Ánh sáng của mặt

trắng chiếu một vệt mờ qua khung cửa sổ.

Chị Vân mở cửa buồng và giữ tôi đứng yên ở một chỗ. Tôi nghe hơi thở chị thơm tho ngọt ngào, hai bàn tay chị đặt trên vai tôi, mắt chị nhìn thẳng vào mắt tôi. Chị nói, Kha hôn chị và mừng chị đi. Mừng gì ? Hôm nay là sinh nhật Vân mà. Và tôi run rẩy đặt môi tôi trên mắt chị. Đôi mắt chị sáng rực như một đám cháy rừng. Hai bàn tay chị nóng như than đốt. Tôi nhìn chị ngây ngất như thể vừa uống hết một ly rượu mạnh. Và thật là bất ngờ, chị Vân đã nâng lấy khuôn mặt tôi, đặt môi chị trên môi tôi. Đó là cái hôn môi đầu tiên trong đời tôi. Cái hôn làm tôi ngất ngây, rung động toàn thân như thể mặt đất dưới chân tôi nứt ra và cả người tôi bị hút thẳng vào trung tâm quả địa cầu. Cái hôn mà sau này khi

đọc hai câu thơ của Trần Dạ Từ tôi mới hiểu ra nó phải là như thế:

*Lần đầu tôi ghé môi hôn*

*Những con ve nhỏ hết hồn kêu vang.*

...

Phải một lúc lâu sau, chị Vân mới bước xuống giường, bật diêm châm những ngọn nến trên bàn phấn. Những ngọn nến nhỏ hồng (bao nhiêu ngọn, tôi không biết, tôi chỉ ngửi thấy cái mùi thơm của gian phòng chị, những chiếc áo dài, mấy cuốn sách truyện, cái kẹp tóc, thỏi son, bức ảnh chụp cảnh Chùa Một Cột...) soi sáng chai rượu, thức ăn, bánh ngọt và những hoa giấy. Tôi bước xuống giường, đứng sau lưng chị.

– Kha ngồi xuống đi. Có lẽ chị sẽ vào Sài Gòn.”

– Sài Gòn?

– Phải, Sài Gòn.

– Tại sao?

– Tại vì chị phải đi tìm cho ra dấu tích của anh Thạc. Chị cần phải gặp anh ấy.

Tôi nhìn thấy đôi mắt chị Vân sáng lên khi nhắc đến Thạc. Bỗng nhiên tôi bật cười thành tiếng.

Chị Vân ngơ ngác nhìn tôi. Hình như tôi có nụ cười mất dạy. Chị lặng lẽ rót rượu ra cốc, đẩy về phía tôi, cầm dao cắt ngang chiếc bánh sinh nhật trước khi cúi xuống thổi tắt những ngọn nến.

Thuở đó, tôi mười bốn tuổi học lớp đệ tứ và yêu một thiếu nữ lớn tuổi hơn mình sáu tuổi bằng tất cả sức mạnh của một thanh niên.

Vy thân mến.

Những ngọn nến sinh nhật của chị Vân đêm đó đã tắt, nhưng tôi bất ngờ trở thành một người đàn ông đầy quyền lực. Chị Vân xin phép Dì nghỉ việc. Tôi không nghĩ là chị đã tìm được anh Thạc, có thể chị ra đi vì một lý do nào khác. Tôi cố tưởng là như vậy. Chị Vân là mối tình thất lạc của anh Thạc, nhưng sao không phải là mối tình đầu của tôi?

Mối tình đầu của tôi và những ngọn nến vụt tắt trong căn buồng thơm mùi con gái của chị Vân còn ám ảnh rất lâu trong trí nhớ tôi. Tôi luôn luôn cảm thấy biết ơn chị, biết ơn cái ngày sinh nhật của một cô gái Hà Nội mang theo ngọn gió Hồ Gươm thổi vào tuổi thiếu niên của tôi.

Câu chuyện đó có thể giải thích tại



sao không có một ngọn nến nào trong ngày sinh nhật của tôi chưa? Vy yêu dấu của tôi?

Mùa hè rồi tôi đã đến Huế, đã tìm kiếm trong vô vọng những trái sầu đông cho em, nhưng làm sao có được những thứ trái trái mùa này. Ở trước trường Nữ Trung Học Đồng Khánh tôi có hái cho em những lá cây đặc biệt thơm mùi khuynh diệp, tôi có mang theo về đây cho em một ít, bây giờ chắc đã héo khô, vì đã quên đưa cho em.

Đừng cười tôi nghe, Vy, một người đàn ông cộc cằn, thô lỗ như tôi mà bày đặt nói chuyện tình cảm thì... Thì, ừ thì đã sao chứ?

Ciao! Ciao!

Hôn em, Vy yêu của anh.

## MỘT TÌNH CẦU KHÁC

**T**háng chạp tây. Những ngày cuối của một năm cũ. Từ một thành phố miền dưới thấp tôi đã bay lên một thành phố miền cao trong một giờ di chuyển; thời tiết biến đổi đột ngột làm tôi ngộp thở. Thủy đón tôi ở sân bay. Buổi chiều xuống nhanh kéo theo đám sương mù bu quanh những ngọn đèn dọc theo đường về khu chợ.

Xe của hãng hàng không thả chúng tôi xuống dưới chân dốc chợ Hòa Bình.

Thủy đưa cho tôi chiếc khăn quàng cổ màu tím (chiếc khăn mà cô đã hứa đan tặng tôi khi nghe thấy tiếng ho khan rát bỏng của tôi qua đường dây nói liên tỉnh).

– Anh nhớ uống thuốc đầy đủ theo toa bác sĩ nghe?

– Không.

– Không nghe thì đừng nói chuyện với em nữa.

– Nhớ rồi.

– Tốt. Em sẽ tặng anh cái khăn quàng cổ rất đẹp, khi nào anh lên thăm em.

– Khi nào?

– Em hỏi anh mà!

– Thì bây giờ anh hỏi em.

– Ba ngày trước Nouvel An.

– Tại sao không bốn ngày hay hai ngày?

– Tại vì em muốn như vậy.

– Cứ tạm coi là được đi.

– Đồng ý, nhé ông.

– Đồng ý, cô nhỏ.

Tôi khoác áo choàng lên vai. Trời lạnh dữ. Hơi rét lùa qua cổ áo chui vào da thịt. Tôi đốt một điếu thuốc, thở khói.

– Chờ lâu không, cô nhỏ?

– Lâu. Nhưng sao?

– Thì hỏi vậy thôi.

– Chỉ hỏi vậy thôi?

– Tôi nhớ em.

Tôi ngó chăm vào mặt Thủy. Đôi mắt màu nâu của cô chìm trong bóng đen. Khuôn mặt nhỏ trắng nhợt lạnh lẽo. Chiếc áo choàng màu da beo, cổ lông gấu đen muốt, tóc xõa cùng với chiều cao của một tâm thân vừa mới lớn, mọc vững vàng trên một đôi chân dài, khiến Thủy có vẻ như là một thiếu nữ Tây Phương hơn là Á Đông. Thủy nhắc cho tôi nhớ là trên con đường chúng tôi đang đi đây, lâu lắm, trước đó, suốt trong ba năm trời rông rã tôi đã từng đi, dưới bầu trời nặng mây và sương mù này tôi đã từng thở, đã từng ngược nhìn những cánh anh đào nở rộ một cách muộn màng sau lễ Giáng Sinh. Câu nói của cô làm tôi nhớ đến những viên sỏi khua động dưới chân tôi trên triền dốc một buổi tối đánh bi-da trở về căn phòng trọ. Mùi bắp nướng thơm phức bốc lên từ những lò than hồng ở một góc phơi Những gói lạc rang cháy

vàng nóng giòn tan lừng trong miệng.

– Em lấy phòng ở khách sạn nào vậy?

– Ở Thủy Tiên, ông.

Thủy cho tay vào túi áo choàng lấy ra chiếc chìa khóa rung rung trước mặt. Bỗng nhiên Thủy kêu lên:

– Hành lý của anh đâu?

– Đây!

Tôi đưa cái xách tay nhỏ cho Thủy.

– Đừng có giểu, ông!

– Thật mà!

– Không đem theo gì hết hả?

– Chùng này không đủ sao?

– Đủ cho em nhưng không đủ cho anh.

– Em cũng đủ cho tôi.

Tôi choàng tay qua vai Thủy. Phố vắng. Tay Thủy ôm vòng ngang hông tôi. Tôi đốt liên miên hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác. Tôi thấy Thủy cũng thở khói trắng đầy miệng.

Một chiếc xe nhà chạy ngang qua, chậm, dừng lại. Một cái đầu ló ra cửa xe kêu:

– Thủy! Thủy!

Chúng tôi quay lại. Thủy khom thấp người xuống ngó vào xe, hỏi:

– Ai vậy? Bích đó hả?

Tôi đứng ra xa, tiếp tục hút thuốc và tiếp tục thở khói. Cái dáng khom người của Thủy làm tôi nhớ ngày đầu tiên chúng tôi quen nhau. Rất tình cờ. Một

hôm ở rạp chớp bóng ra, trời đang đổ trận mưa lớn, tôi đứng dưới hàng hiên đợi xe. Cũng khá lâu, hết chiếc này đến chiếc khác, chẳng có chiếc nào trống, cho đến khi, cuối cùng của sự sốt ruột, một taxi trờ tới. Tôi đưa tay ra dấu cho bác tài thấy, xong chạy ra lẹ làng đặt tay lên nắm cửa. Đúng lúc đó, một cô gái từ phía sau tôi cũng chạy tới. Cô nhìn bàn tay tôi đang đặt lên nắm cửa. Rồi cô ng-hiêng thấp người xuống ngó vào trong xe, chờ đợi. Dưới cơn mưa, hai người khách đón xe đứng sững lại trước một chiếc xe trống, cảnh tượng ấy ngộ nghĩnh và buồn cười. Bác taxi không nói một lời nào. Ông ta hết đưa mắt nhìn tôi, lại nhìn sang người thiếu nữ. Chắc chắn là ông ta không có ý kiến. Rất nhanh, tôi mở cửa xe và nói với người con gái:

– Mời cô!

Không chút do dự, người thiếu nữ bước lên xe một mình, đóng mạnh cánh cửa, nhìn tôi mỉm cười và cho xe chạy. Tôi nhớ lúc đó tôi hơi hối hận vì đã nhường xe cho cô gái. Người gì đâu mà bất nhã. Tại sao không biết nói một lời cảm ơn? (Sau này tôi thấy tôi vô lý. Tại sao cứ muốn người ta nói cảm ơn?)

Buổi sáng hôm sau, như thường lệ, ngồi uống cà phê với mấy tên bạn ở một quán nước quen, tôi gặp lại người thiếu nữ đón xe dưới mưa. Cô không đi một mình. Người thanh niên kéo ghế cho cô ngồi trạc tuổi cô hay lớn hơn cô vài tuổi. Cô có vẻ được chiều chuộng. Hình như cả hai đang ở thời kỳ yêu nhau. Cô gật đầu chào tôi và hỏi thăm tôi là hôm đó đến mấy giờ mới đón được chiếc xe để về nhà. Chúng tôi nói chuyện với nhau như hai người bạn cố tri. Và tôi được biết

cô tên là Thủy. Cô đang theo học trường Chính Trị Kinh Doanh ở Viện đại học Đà Lạt. Cô về thăm nhà ở Sài Gòn. Cô đã ở đây một tuần. Cô đang có trong sắc tay cái vé cho chuyến phi cơ ngày mai. Cô ghét cái không khí xô bồ ở Sài Gòn. Cô muốn sớm trở lại Đà Lạt.

Ngay buổi chiều hôm đó chúng tôi gặp nhau thêm một lần nữa. Tôi còn nhớ đó là quán Hoàng Gia trên đường Tự Do. Quán nhỏ, ít khách. Bàn ghế đẹp. Bức tranh sơn mài làm nổi bật lớp gỗ màu nâu trên vách. Âm nhạc nhảy nhót trên những chai rượu đặt dọc theo kệ gỗ. Chúng tôi đã uống với nhau những chén trà Hoàng Cúc thơm ngào ngạt và nói về thành phố mà Thủy sẽ trở lại.

Tôi cho Thủy biết là tôi đã ở trong thành phố ấy ba năm. Tôi từng là sinh viên khóa đầu của Viện Đại học này. Tôi

nói cho Thủy nghe những con đường mà tôi vẫn thường đi mỗi ngày. Nhà trọ của tôi gần một trường nữ mà mỗi lần tiếng trống tan học đã lôi tôi ra đứng dựa gốc ổi trước nhà hút thuốc để lòng rung động theo những tà áo xanh phất phới và giọng nói líu lo của những “cô gái Bùi Thị Xuân”.

Tôi tả lại cho Thủy nghe ngày thứ nhất thành phố đó đã chào đón tôi như thế nào. Một ly cà phê đen đặc quánh ở quán Tùng, một trận đòn nhừ tử, bò lăn bò càn với máu mũi máu mồm bê bết lão đảo từ khu chợ Hòa Bình để trở về căn phòng cư xá sinh viên trong Viện. Đó là trận đòn tàn bạo nhất thời tuổi trẻ mà tôi được hưởng. Và đó cũng là trận đòn làm ấm áp thân thể tôi nhất vì tôi đang không chịu nổi cơn giá rét của thành phố cao nguyên này.

Thủy nói rất ít, gần như cô chỉ bày tỏ sự xác nhận những điều tôi nói hoặc chỉ để nói lại cho rõ về một vài thay đổi mà trước kia khi còn theo học tôi đã không nhìn thấy. Sau cùng, trước khi chia tay, Thủy hỏi tôi một câu mà cho mãi đến nay tôi hãy còn nhớ như in:

– Nhưng em chưa biết tên anh?

Câu hỏi đó làm tôi không nín cười được. Chúng tôi quen nhau đã một ngày, đã nói chuyện với nhau như hai người bạn cố tri, và cô không biết tên tôi.

– Tên tôi? Có cần thiết không?

– Cần chứ anh. Vì anh đã biết tên em.

– Vậy thì tôi tên là Tâm. T, Â, M. (Tôi đánh vần từng chữ cho cô nghe), Tâm. Có nghĩa là tim, trái tim trong lồng ngực.

Tôi đặt tay lên ngực tôi.

Tôi nhìn thấy Thủy cười. Và chúng tôi ra về.

Sáng hôm sau, Thủy trở lên Đà Lạt. Tôi biết giờ đi của cô nhưng không đưa cô ra phi trường. Để làm chi? Tôi nghe thấy tiếng tôi hỏi tôi. Tôi đã lập gia đình, đã có hai cháu, hai đứa bé dễ thương và kháu khỉnh nhất trong những đứa trẻ mà tôi được gặp. Tôi đang có những đau khổ cùng cực về một cuộc sống chung.

Tôi không còn một chút tin tưởng nào về cái mà người ta gọi là tình yêu. Tôi thù ghét đám đông ồn ào lơ nhô lúc nhúc. Tôi chán nản vô cùng cái đời sống lúc nào cũng đòi hỏi phải thế này thế nọ, thế nọ thế kia. Tôi hút thuốc nhiều hơn. Tôi bắt đầu uống rượu vào mỗi buổi tối. Tôi bỏ sở đi lang thang từ quán rượu này

đến quán rượu khác, công việc dồn lên mãi đầy ắp tận mũi, đến nỗi người chủ sở vốn yêu mến tôi đã phải kêu tôi lên dặn dò nhẩn nhủ, khuyên đi khuyên lại như một “bố già” dạy đứa con ngỗ nghịch. Để làm gì?

Cuộc sống hôn nhân của tôi đang gặp trục trặc. Đã bắt đầu đổ vỡ thì đúng hơn. Tại sao khi người ta không thể sống chung nhau mà lại không thể chia tay? Và tại sao khi người ta khám phá ra người ta không thể sống nếu phải xa nhau mà người ta lại không thể kết hợp?

Mùa hè Thủy trở về Sài Gòn. Cô gặp lại tôi với hai đứa nhỏ vẫn trong một rạp chiếu bóng, vẫn người thanh niên ấy đi bên cạnh cô. Tình yêu của họ có lẽ đã lớn hơn trước. Thủy hôn hai đứa con tôi. Cô hỏi “Chị đâu anh?”. Tôi cười, không trả lời. Không có gì để giải thích với Thủy về



trường hợp tôi lúc này. Chúng tôi đang ở thời kỳ khó khăn.

Người luật sư cho tôi biết việc ly dị sẽ phiền phức và mất nhiều thời gian. Tôi hiểu. Sự phiền phức đó chính là hai đứa bé. Tình cảnh chia lìa giữa cha mẹ sẽ gây cho đứa trẻ một xúc động mạnh về mặt tâm lý và chắc chắn là sẽ có ảnh hưởng không nhỏ cho đời sống tinh thần của chúng về sau này. Tất cả chúng tôi kéo nhau vào quán nước gần đó. Thủy ôm đứa con trai của tôi vào lòng và nói:

– Mi tôi đi, người tình bé nhỏ của tôi.

Một lúc, cô ngước mắt nhìn tôi:

– Em sẽ đến thăm anh.

Người thanh niên đi bên Thủy không nói một lời nào trong buổi cà phê. Tôi

tưởng là hai người yêu nhau. Nhưng tôi đã không hiểu gì cả. Và cô đến thăm tôi sớm hơn là tôi tưởng.

Tôi ở một căn phòng cho thuê, lầu hai, trong một cư xá bình dân. cầu thang hẹp, trần nhà thấp. Thủy đun nước pha cà-phê, xếp lại đồng quần áo dưới chân giường, thay drap, quét dọn rác rưởi, xếp lại đồng sách báo dưới sàn nhà, giặt khăn lau mặt, chùi bóng lavabo. Thủy hỏi:

– Tại sao hai người xa nhau?

– Hai người nào?

– Anh và chị, chứ còn ai vào đây.

– Sao em biết?

– Sao không! Nhìn thấy anh dẫn hai đứa nhỏ đi vào một quán ăn; sao mà thâm quá thế!

– Ăn thua gì đến em.

– Chả ăn thua gì tới ai. Nhưng em cảm động.

Hôm sau Thủy ở lại suốt ngày với tôi. Chúng tôi không có gì giấu diếm nhau. Giữa hai đứa chỉ còn lại sự trong suốt. Bức tường ngăn đôi đã bị phá vỡ. Tôi cho Thủy biết tình trạng đặc biệt rắc rối của tôi. Vấn đề khó khăn là ở chỗ đó.

– Vấn đề của anh không phải là vấn đề.

– Em không sợ dư luận sao?

– Nếu sợ thì em đã không đến anh.

– Tại sao không sợ?

– Tại em thương anh.

– Tại sao thương tôi?

– Anh biết không, cái hình ảnh một người đàn ông dẫn hai đứa nhỏ đi xem xi-nê hay vào một tiệm ăn làm em xúc động quá chừng chừng.

– Vậy thì đâu phải em thương tôi. Em thương cái hình ảnh ba cha con mà.

– Em thương ba cha con cũng được chứ sao?

Vậy là chúng tôi dính vào nhau. Tôi đang cố gắng tháo bỏ một sợi dây oan nghiệt, và có phải bây giờ đây tôi đang buộc vào đời tôi một sợi dây oan nghiệt khác? Không, tôi không tin như thế. Khi người ta bắt đầu khám phá ra cái bóng đen ở phía bên kia của cuộc sống chung người ta không còn cách nào khác để nói lời chia tay.

– Đi, anh!

– Người quen nào vậy, cô nhỏ?

– Bích, bạn em. Nó hỏi em Tết tây sao không về Sài Gòn?

– Em nói sao?

Thủy ngó tôi cười.

– Nói sao? Có anh ở đây, em không đi đâu hết.

– Thật vậy sao?

– Chứ bộ anh tưởng em giả à!

Đến trước thêm rạp chiếu bóng khu chợ Hòa Bình, tôi kéo tay Thủy ngồi xuống. Bóng tối nhờ nhờ đục mù sương đêm. Thành phố như một bức tranh thủy mặc. Một ngày giáp năm buồn tẻ vắng lặng không bóng người. Và chúng tôi hôn nhau, cuồng bạo như một loài thú. Chúng tôi là những chủ nhân của thành

phố Hoàng Triều Cương Thổ. Khi chúng tôi nhả nhau ra, Thủy là người như một chiếc lá khô.

Chúng tôi đã bước qua cánh cửa của thời lãng mạn xưa cũ.

Chúng tôi đã khám phá ra nhau cái mùi vị của tình yêu.

– Cám ơn em.

– Tại sao anh lại cám ơn em?

– Tại vì,... nếu không có em thì tôi biết cám ơn ai.

– Đừng nói chuyện huề vốn ông.

\*

Nếu bạn đang đứng trên thêm chợ Hòa Bình ngó xuống con dốc trong một

buổi chiều đầy sương mù, bên cạnh là  
một thiếu nữ vừa mới lớn, bạn sẽ hiểu  
tại sao cuộc đời này vô cùng đáng sống.

Tháng Hai 1969

## NHỮNG TRÁI CAO SU Ở SÀI GÒN

**M**ẹ ở ngoài Trung vào chơi với chúng tôi đầu chùng nửa tháng thì bà bắt đầu kêu nhớ nhà. Những ngày sau đó bà nói ngày dài, đêm dài, chỗ ở chật chội, ồn ào, khí hậu ngọt ngạt. Bà đi ra đi vào, nhìn trời nhìn đất. Mẹ buồn.

Tôi biết mẹ buồn vì nhớ những người bạn già của bà. Những người già của một thành phố nhỏ, đã quen nhau từ

hồi còn con gái, giao thiệp với nhau khi đã lấy chồng, thăm viếng đi lại với nhau khi mới sinh đứa con đầu lòng. Và bỗng nhiên mà trở thành như những chị em ruột thịt.

Những thiếu nữ ấy lớn lên trong cùng khu phố, làm mẹ, rồi làm bà.

Mỗi buổi sáng, những người bạn già này gặp nhau ở chợ, nói chuyện với nhau trên đường về, thương mến nhau hơn nữa khi tất cả cùng chảy nước mắt cho một người thân qua đời (một đứa con trai vừa biệt tích hay chết trận; một đứa con gái theo chồng).

Tôi biết mẹ không chịu nổi thứ không khí xô bồ hỗn độn của một thành phố; nơi mà tiếng động không ngớt làm nhức tai, buốt óc, điên đầu, nơi mà thứ gì cũng phải bỏ tiền ra mua, nơi mà người

hàng xóm không có chút nào liên hệ tình cảm với nhà bên cạnh, một nơi đầy bụi bặm và làm người ta chóng mặt đến chết được...

Mẹ nói mẹ muốn trở về nhà.

– Đây là nhà của mẹ mà.

Chúng tôi nói với bà như vậy, nhưng bà lắc đầu.

– Không. Nhà của mẹ không phải ở đây.

Dù sao chúng tôi cũng đã hết lòng khẩn khoản mẹ ở lại cùng chúng tôi. Mẹ muốn đánh bài, chúng tôi rủ mấy người bạn đến nhà gây một sòng tứ sắc nhỏ. Mẹ muốn tự tay nấu lấy món ăn, chúng tôi đưa mẹ đi chợ và giao hẳn cái nhà bếp cho bà! Mẹ muốn biết tin tức về bệnh tình của người anh ngoài đó ra sao,

chúng tôi gọi dây nói ra ngoài lập tức...

Nhưng mẹ vẫn buồn.

Tôi hứa với bà là sẽ đưa bà đi chơi một ngày ra khỏi thành phố “Đi đâu?” Mẹ vừa cười vừa hỏi.

– Con sẽ đưa mẹ đi Vũng Tàu. Mẹ chưa biết Vũng Tàu mà!

– Không. Tao không thích đi đâu hết.

Nhưng sau cùng có lẽ bà đọc được sự van xin trong mắt nhìn của chúng tôi, bà dịu dàng:

– Ủ! Đi thì đi!

Xe ra khỏi thành phố, mẹ khen đường rộng rãi, gió mát, nhưng mẹ sợ tai nạn.

– Chậm lại một chút đi. Ghê quá chừng!

Mẹ kêu lên khi xe bị mấy chiếc quân xa của Mỹ ép sát lề.

Đến Long Khánh, mẹ biểu ngừng xe mua lôm chôm, mua thịt nai tươi và đòi đổi lộ trình.

– Đừng đi Vũng Tàu nữa. Tối Bà Rịa, đi vô Núi Đất thăm thằng Sơn đi. Nó học lớp Tác Chiến Trong Rừng ở đó.

Xe dời thành phố, chạy vào con đường đất bụi đỏ, một vài nơi lởm chởm đá xanh. Rừng cao su bắt đầu lộ dạng cùng với tất cả sự vắng lạnh im lìm và hơi hãi hùng của nó.

Có lẽ lâu lắm, dễ chừng năm sáu năm nay tôi chưa ra khỏi thành phố. Thật ra tôi có nhiều lần dời bỏ Sài Gòn, nhưng dời bỏ Sài Gòn để mà đi Nha Trang hay đến Huế hoặc xuống Cần Thơ. Dời bỏ

một thành phố, tôi chỉ đến một thành phố khác. Tôi bị dính liền với sự xô bồ và náo nhiệt của những sự sinh hoạt đầy “âm thanh và cuồng nộ” của dòng thác người. Chính vì tôi có một đời sống quá bận rộn và không được thoải mái. Suốt ngày quần quật ở một chỗ này hay một chỗ nọ của một thành phố.

Tôi làm một công việc quen thuộc đến mòn nhẵn như cái bào của người thợ mộc lành nghề. Nhưng công bình mà nói, hình như đời sống tôi còn kém hơn cái bào, vì ở đó người ta nhìn thấy được sự bóng loáng, còn nơi tôi thì không. Buổi tối là thì giờ còn lại rất ít cho tôi đọc lướt những dòng chữ lớn chiếm tám cột của một trang báo, tin thời sự, tình hình của một thời cuộc lúc nào cũng sôi sục như một nổi dầu trên một chiếc lò cao độ.

Mặt trận miền Tây đang hồi gây cần,

số người chết và bị bắt sống, cuộc đảo chánh ở đâu đó, một mối tình vừa kết thúc bằng cái chết, thanh toán ở đường X. vì nhiều lý do. Tôi có ít thời giờ để nói hết với mẹ một câu chuyện, cũng như ít có thì giờ để đọc hết một quyển sách mà tác giả của nó là người tôi vẫn ưa thích.

Đọc sách trong lúc này hình như là một việc làm không dễ dàng gì. Không biết tôi đã đánh mất cái thú vui sau cùng ấy từ bao giờ.

Trưa nắng, trời sáng xanh. Rừng đầy đặc vắng bóng người, và không một căn nhà.

Tôi cho xe chạy với tốc độ khá cao mặc dù đường xấu. Có lẽ tôi đang lo sợ.

Có sao. Tôi sợ thật tình mà. Nhưng sợ cái gì? Tôi không hiểu.

Súng nổ giòn bên trong rừng, chỗ mà chúng tôi đang dần đến.

Mẹ lâm râm đọc kinh, nhưng vẫn không tỏ ý gì cho tôi thấy là bà muốn quay xe lại.

Rốt cuộc chúng tôi cũng đến được nơi phải đến.

\*

Người lính gác cổng giữ thẻ căn cước và chỉ lối vào phòng thăm khóa sinh.

Đường đi dốc cao, đất đỏ nứt nẻ, nhưng hào sâu dài là dấu vết của những cơn mưa lũ.

Dưới chân dọc theo đường những



trái cao su khô rơi dầy, bật tiếng kêu khan nẻ ra dài theo các khía. Tôi cúi xuống nhặt những hột tròn màu nâu có vân. Đẹp lắm. Những mảnh vỏ cao su rời khỏi các khía giông như chiếc đầu lâu, chỉ cần bôi thêm các hũng mắt, mũi và miệng là ta có được những kỷ vật dễ thương đầy chết chóc.

Tôi lựa những trái và những hột đẹp nhất giữ lại, lau sạch cho vào túi. Tôi sẽ mang những thứ này ra để tặng Vy, tặng cái màu nâu mà em ưa thích, tặng chút đường xa mà Vy sẽ hỏi tôi đã làm gì với số thì giờ ngày hôm đó.

Tôi nghĩ là Vy sẽ kêu lên về cái kỳ lạ của những trái cao su xinh đẹp này. Tôi tưởng thế.

\*

Dù sao, sau cùng chúng tôi cũng đã thăm được người đàn ông thứ ba mà gia đình tôi đang cung cấp cho tổ quốc. Mẹ rờ khắp mặt mũi Sơn, kêu Sơn đen quá, gầy nữa. Mẹ giúi thức ăn và tiền cho Sơn. Tôi thấy mẹ khóc rất lặng lẽ. Đúng là như vậy.

Chúng tôi sẽ không đến Vũng Tàu, mẹ muốn thế và chúng tôi trở về sớm hơn dự tính.

Vậy là chúng tôi quay lại Sài Gòn. Hình như cái vụn sắt nhỏ là tôi không bao giờ chạy thoát khỏi cái tù trường mãnh liệt đó. Nhưng xe bị hỏng ở góc đường Hiền Vương và Đoàn Thị Điểm. Mẹ phe phẩy tờ báo gây lại chút gió đã mất.

Tôi mở cửa xe bước xuống đường mở nắp máy tìm kiếm, giật giật những sợi dây, đập đập những con ốc, nắm sát xuống mặt lộ tìm kiếm căn bệnh của xe.

Tôi là một thợ máy tồi.

Tôi không hiểu gì về máy móc xe cộ. Tôi không thấy có sự khác biệt nào giữa một chiếc xe bị hỏng máy và một chiếc xe ở tình trạng chạy được.

Tôi chỉ thấy những trái cao su nứt nẻ lăn lóc trên mặt đường nhựa, dưới gầm xe và mấy cái hột tròn tròn màu nâu có vân xinh đẹp rải rác bên vệ đường.

Tôi phúi tay đứng dậy, ngược mặt nhìn trời. Tôi đang đứng dưới bóng của những cây cao su trong một thành phố ồn ào, bụi bặm và nhức nhối.

Tôi biết mình sẽ phải làm gì với mấy hột cao su còn giữ nguyên trong túi quần này. Hình như tôi đang nghe thấy giọng cười của Vy trong tiếng kêu khan của một trái cao su lăn dưới chân mình.

Hè 1971

## GIÁNG SINH HÃY CHỜ

### 1.

Vy yêu dấu,

Tôi đang viết cho em giữa những âm thanh quen thuộc của một mùa Giáng sinh. Một người bạn làm báo cho tôi biết rằng tình hình chính trị đang có nhiều chuyển biến lớn. Có lẽ chiến tranh sẽ chấm dứt và hòa bình sắp được tái lập. Hòa bình! Đó là niềm mơ ước lớn nhất không phải của riêng chúng ta, mà là

của cả một dân tộc. Em biết không, căn phòng tôi giờ đây đang tràn ngập những âm thanh của khúc hát Đêm Thánh Vô Cùng, ấy vậy mà tôi vẫn như nghe lẫn trong đó từng chữ từng lời của bài Giáo Đường Im Bóng, ca khúc mà em đã hát cho tôi nghe chiều hôm qua trong quán nước Hoàng Gia vắng vẻ trên đường Tự Do trước khi em trở về Đà Lạt. Trong trí nhớ tôi vẫn còn hình ảnh em với mái tóc đen dài, đôi mắt màu hạt dẻ và một nụ cười rụt rè như lần đầu chúng mình quen nhau.

Tôi nhớ Đà Lạt vô cùng, nhớ con đường Hoa Hồng, nhớ con dốc dẫn lên nhà Bưu Điện, nhớ con suối cạn chạy dưới chân cầu đưa ta trở lại chợ Hòa Bình, nhớ con đường đất ta đi quanh hồ Xuân Hương, và cái quán nước quen nhô ra mặt hồ, nơi chúng ta vẫn đến

ngồi uống cà phê nhìn ra những ngọn đèn vàng ám đang nhắm mắt ngủ gà ngủ gật trong đêm.

Tôi nhớ hàng bánh xèo ở đường Tăng Bạt Hổ, buổi tối nào chúng ta cũng đến đó, ngồi bên nhau xoa tay bên lò than hồng chia chút hơi ấm chờ phần ăn của mình.

Hòa bình đang trên đường đến nơi hò hẹn. Và tôi tưởng tượng thấy một buổi sáng thức dậy, trong căn nhà của hai ta xây trên một ngọn đồi mượt cỏ, bỗng tức khắc mọi việc, mọi người, mọi cảnh đều đổi khác. Truyền thanh, truyền hình, báo chí đồng loạt đưa tin hàng đầu: Hòa Bình Đã Được Văn Hôi Và Chiến Tranh Đã Thực Sự Chấm Dứt.

Hãy tưởng tượng ngôi nhà ta ở Đà Lạt, mái ngói đỏ hình dấu mũ, sàn nhà

bằng gỗ đánh vec-ni, vách thơm mùi trầm, treo đầy những hoa phong lan mà em nhặt được bên bờ suối chiều qua...

Hãy tưởng tượng cửa sổ phòng chúng ta mở ra mỗi buổi sáng sẽ thơm ngào ngát mùi hoa hồng dại, và cây mimosa đứng ngoài sân kia sẽ ghen với hạnh phúc đôi ta mà nở ra những đóa hoa vàng quý phái. Mỗi buổi chiều chúng ta có thể nhìn thấy sương mù trải dài từng lớp mỏng rồi lan cao dần che phủ đầy đặc cả bầu trời xám đục trên đầu chúng ta, và em ngồi trong ghế mây đu đưa, cả gian phòng kính kín bưng thơm mùi bồ kết ướp mật từ mái tóc em làm ấm lên một thời tiết lạnh lùng.

Hãy tưởng tượng chiến tranh đã hết, và vì có nhiều anh hùng quá, không biết phải chọn ai để đặt tên cho những con đường, nên ngôi nhà chúng ta sẽ có một

địa chỉ đặc biệt, thí dụ như người ta sẽ gọi đó là ngôi-nhà-duy-nhất-trên-đồi-6452. Tại sao 6452 mà không phải là một con số nào khác? Có phải là em đang thấy trong đầu câu hỏi đó không?

Nhưng tại sao phải là một con số nào khác chứ không phải là 6452? Em sẽ nghĩ sao về câu trả lời đầy nghi vấn của tôi?

Chỉ là những con số và hơn nữa chỉ là những con số tượng trưng và tưởng tượng thôi. Đừng bận tâm làm chi.

Dù sao “ngôi-nhà-duy-nhất-trên-đồi-6452 tỉnh D.” nghe vẫn có vẻ chiến tranh quá, phải không Vy?

Biết làm thế nào được, chiến tranh đã đi qua nhiều năm trên quê hương chúng ta và những vết chân của nó như

dấu chân của bầy thú rừng bị xua đuổi chạy dồn vào nhau đã dẫm bừa lên trên ý nghĩ cỏ cây và cả trong giấc mơ bình yên của chúng ta; nó đã là mối đe dọa thường trực của đời sống mỗi người.

Phải, hiện giờ đây ta hãy tưởng tượng như là chiến tranh đã chấm dứt, ngọn lửa hung bạo đã bị dập tắt, nhưng mối ám ảnh kinh hoàng về nó vẫn còn tồn tại, tồn tại trong một ý nghĩa hoàn toàn khác hẳn. Khi chiến tranh còn đó ta ghê tởm, lo sợ về nó, về tất cả những gì có liên hệ đến nó, nhưng khi ta biết chắc là chiến tranh đã tàn lụi, thì bất cứ một dấu vết nào, hình ảnh nào, cách gọi tên nào dù có mang hơi hướm hay dính dáng đến chiến tranh đều chỉ có thể được xem như là những kỷ niệm buồn bã và vô hại. Chính trên đồng tro tàn của chết chóc người ta nhìn thấy mầm mống của

sự sống. Chính trên những đổ nát tuyệt vọng và ngu xuẩn của chiến tranh người ta phát lộ được niềm tin, sự xây dựng và trí thông minh.

Trên ngọn đồi xanh với những hàng thông không đều, căn nhà ngói đỏ của chúng ta sẽ ấm áp như hơi thở em và nồng nàn như da thịt em.

Hãy tưởng tượng tôi đang bước vào phòng khách với những gói quà trên tay và em đang đứng giữa nhà với cây thông giăng những bóng điện màu, cột treo những gói giấy hoa vuông vức xinh đẹp, em sẽ ngừng tay và tôi sẽ thả những hộp quà xuống sàn gạch, chúng ta hôn nhau trong tiếng chuông đổ dồn của ngôi nhà thờ trên ngọn đồi phía đông bắc thành phố, và mơ hồ trên đôi tai lơ đãng của mỗi đứa khúc hát Những Thiên Thần Trên Cánh Đồng Chúng Ta bay lượn

như những cánh diều mùa hè.

Hãy tưởng tượng giữa tiếng nhã nhạc đó, giữa cái hôn nồng cháy mà chúng ta đang trao nhau, giữa sự rét buốt của một thành phố miền cao nguyên mùa đông, giữa những hồi chuông gióng giả báo tin giờ phút hiển linh, căn nhà trên ngọn đồi 6452 của chúng ta đột sáng bùng lên, đỏ những viên ngói, xám những cánh cửa, trắng những hoa sứ ngoài sân và xanh tất cả những lá cây, tôi sẽ được nhìn thấy lần đầu tiên màu nâu kỳ lạ tuyệt vời trong đôi mắt em và cái màu trắng xanh còn lại phản chiếu những lá cây trong vườn hy vọng của chúng ta.

Vy, lúc đó em nghe ngóng chờ đợi gì nơi tôi trên một ngọn đồi thấp giữa thung lũng sâu, trong căn nhà nhỏ biệt lập với hoa hồng, hoa thược dược, hoa sứ..., với cây thông nặng trĩu những bóng

đèn, những gói quà, những tua giấy đầy màu sắc lóng lánh và với niềm tuyệt vọng của tình yêu chúng ta?

Hãy tưởng tượng tôi ngã xuống ngay khi hồi chuông nhà thờ vừa tắt, ánh sáng trên bầu trời của một vùng thung lũng với những ngọn đồi không tên chập chùng bất ngờ chìm trong bóng tối và trong tay em, trong sự yếu đuối của em, của chúng ta, và trong tiếng hát lên trời của thánh thần, trong nỗi cô đơn của mỗi người, tôi ngã xuống, êm ái ngã xuống, và nghe thấy trong không gian vang lừng tiếng kêu của Người không phải đang Ra Đời mà là tiếng kêu thất thanh của Người trên Thánh Giá.

– Eli, Eli, lam-ma-sa-bach-ta-ni?  
[Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! Sao Ngài lìa bỏ tôi? Mathieu 27:46]

Hãy tưởng tượng, Vy ạ, tôi biết là em có thừa sức tưởng tượng, những con dốc mặt hồ, sương mù, rừng thông, tiếng gió hú ban đêm chạy dài qua những lũng trông và hơi thở của núi đá... Không, mà em cũng chẳng cần phải tưởng tượng nữa, em chỉ cần nhớ lại những gì em đã nghe thấy, đã cảm giác, đã sống..., em hãy gõ cánh cửa trí nhớ, cánh cửa sẽ mở, em hãy xin ánh sáng, mặt trời sẽ cho; em hãy đi tìm tôi như tôi đi tìm em, chúng ta sẽ gặp. Ở một nơi nào đó, chẳng hạn như trong một ngôi nhà nào đó, trên một ngọn đồi nào đó, mang con số 6452, một con số bất kỳ như bất kỳ một con số nào khác, giữa một ngày hay một đêm mùa đông, với tiếng kinh cầu, rất nhiều ân hận và buốt giá, một chút nghi ngờ, tí ti mệt mỏi...

Và chỉ có hai ta. Phải không Vy?

## 2.

Vy yêu dấu,

Không biết những dòng chữ này có kịp đến tay em trong mùa Giáng Sinh năm nay? Và nếu may mà nó đến kịp trước giờ Thánh Lễ, không biết em sẽ đọc chúng dưới ánh sáng nào? Hư ảo lung linh của những hàng bạch lạp hay chói chang nóng hổi của những ngọn đèn ba trăm nến? Dù dưới bất cứ thứ ánh sáng nào, xin em hãy đọc nó dưới những tia lửa của trái tim mình?

Em có còn nhớ không, Vy? Buổi sáng đưa em ra bến xe, trời còn tối, gió thổi lạnh quá chừng. Con đường ấy ngày thường xe cộ người vật như nệm, đây

những tiếng động của máy xe và khói của dầu, bụi đường, thế mà bữa đó chỉ có mình anh với em. Anh không dám chạy nhanh lắm vì sợ cái khí lạnh thấm nhập vào da thịt, tuôn qua buồng phổi, gây thêm trong anh những trận ho mà em kêu là làm em đau xót. Có thể nào có được một người đau xót được nỗi đau xót của đời anh. Em đã đau được nỗi đau ở ngực anh, em thở giùm hơi thở cuộc sống anh, em đã nói giúp anh những điều anh không thể nói.

Vy yêu dấu,

Em yếu đuối là thế nhưng mạnh mẽ hơn anh biết là bao, em đạp mọi chông gai trên đường em đi, em dám đương đầu những bất trắc của đời sống phù phiếm, em dấn lên mọi thị phi, đàm tiếu, em ngẩng mặt lên cao, nghinh nhìn mọi thử thách, em dám sống đời sống đích



thực của em. Còn anh, sự khỏe mạnh của thân xác, cái chiều cao của cơ thể, vóc dáng vạm vỡ của những thớ thịt thật ra chẳng là cái quái gì. Anh còn tiếp tục sống cái đời sống tưởng như sót lại của anh, anh còn tiếp tục hoạt động những công việc mà anh đã mất lòng tin tưởng, anh còn đi trên con đường mà anh đã từng nhiều lần vấp ngã đau nhói, cũng là nhờ tình yêu của em dành cho anh. Tình yêu, tiếng gọi ấy tưởng chẳng bao giờ còn làm vang động được chút nào nữa ở trong chiếc đầu khô cứng và chai đá của anh từ nhiều năm nay, tình yêu ấy bỗng hiện ra rực rỡ như màu sắc của những chùm bông giấy, những ngôi sao, những món đồ chơi trên cây Giáng Sinh, có thực như những dòng chữ anh đang viết cho em đây. Tình yêu ấy có thực từ khi em yêu anh, chúng ta yêu nhau.

Vy yêu dấu,

Em không phải đau xót giùm anh, chính ra anh phải đau xót cho em mới đúng. Anh có vẻ là người từng trải, có vẻ thôi, vì thực ra anh có trải gì mà từng chứ? Anh coi trời bằng vung, anh khinh bỉ cái bọn trọc phú, anh ghét bọn háo danh rôm chung quanh như những con múa rối... Chẳng phải là anh đã nhiều lần nói với em như thế sao? Bởi vì, dù thế nào anh sẽ vẫn tiếp tục nói như thế, nghĩ như thế. Người ta bảo đó chỉ là những lời tự hào láo lếu, tự đắc và kiêu căng quá đáng. Một thứ mặc cảm tự tôn tầm thường. Cũng chẳng sao. Có gì thay đổi đâu.

Từ lúc em đi căn phòng vắng vẻ sợ, sự gọn gàng ngăn nắp cũng theo em ra đi. Em biết không, mấy chai nước bây giờ chỉ còn có cái vỏ không, bình lọc cà

phê đen sì đầy xác màu nâu, những tờ báo cũ ngổn ngang dưới chân giường, trên bàn khách, ở sọt rác, hộp bút em mang đến cho anh từ mấy bữa trước cũng đã đầy kiến đen vì quên đổ nước ở chân đĩa. Hộp thuốc mà lẽ ra mỗi tối anh phải uống theo lời dặn của em, anh cũng quên luôn rồi.

Những cuốn sách anh mang từ nơi làm việc về mỗi ngày một nhiều chồng chất thêm mãi, cao lên mãi và ngày càng lung tung vô trật tự mãi. Phương không đến từ hôm em đi. Cô ấy có gọi dây nói cho anh hỏi thăm tin tức của em, bởi vì cũng như anh, Phương không biết giờ em đang làm gì. Anh biết em đang gặp khó khăn và trắc trở. Tất cả chỉ là vì anh. Nếu không có anh, nếu anh đừng có mặt trong đời sống này, chắc gì em đã chông gai và phiền lụy như thế. Phải không?

Em ra đi, mang theo tất cả sự nồng ấm. Cái mát mẻ hiếm hoi của buổi sáng Sài Gòn giờ đây chịu ảnh hưởng cơn bão Thérèse vẫn còn đọng lại mãi trong căn phòng anh. Anh trở về vào lúc sắp đến giờ giới nghiêm. Bước từng bước lên cầu thang dốc, những miếng sắt khua vang dưới gót giày anh và làm lay động giấc ngủ của những người ở phòng bên cạnh. Mở khóa cửa, bật đèn, điều chỉnh tốc độ của chiếc quạt máy, cởi dây giày, rửa mặt, đọc tin tức ở trang nhất của tờ nhật báo, vặn nút chiếc máy thu thanh, tắt ngọn đèn đọc sách ở đầu giường, nhắm mắt. Cho đến khi choàng tỉnh dậy vì những cơn ngứa ở cổ, ho khan tức tức, anh đã nhìn thấy được những ngôi sao xa trên bầu trời xanh đêm.

Vy yêu dấu,

Lúc này em đang làm gì trên cái thành phố cao nguyên lạnh lùng và buồn thảm kia? Những ngôi sao nhìn ta và không nói gì. Và cái khung cửa sổ tôi tắm ấy, nơi em đã từng ngồi hàng giờ lặng nhìn lên bầu trời cao, mặc anh với những trang sách, khung cửa ấy bây giờ không có em.

Vy yêu dấu,

Em biết đấy, anh không phải là một tín đồ Ky Tô giáo, anh cũng chẳng là tín hữu của bất cứ một tôn giáo nào khác. Nhưng anh được dạy dỗ để sống giữa những người khác cùng là người như anh, chứ không được giáo dục để sống với bấy thú. Mưu toan trong đầu để hãm hại người khác, bắt chẹt một vài câu nói

để du người ta vào thế bí hầu phỉ báng và bôi lọ người ta, điều ấy anh chưa bao giờ được học.

Trong cái nồn nao của một mùa Giáng Sinh Hy Vọng, anh muốn bắt chước tất cả những con chiên của Chúa nguyện cầu cùng với sự ra đời của Ngài sẽ đem theo sự ra đời của phép màu mang Hòa Bình đến cho nhân loại, thanh bình cho Việt Nam, và sự yên ổn trong tâm hồn của mỗi chúng ta.

Em biết một niềm mơ ước như trên đây có vẻ như là một niềm mơ ước công thức, cũ kỹ, lặp đi lặp lại, đã mòn nhẵn. Nhưng làm thế nào được, anh và em, chúng ta chỉ có thể thành hình một khi có được sự Yên Ổn trong trái tim của mọi người.

Vy yêu dấu,

Buổi sáng hôm nay, trời trong xanh, nắng vàng, mọi người mọi vật đều bừng bừng sức sống, một đám tang vừa đi ngang qua trước cửa nhà, trong những giọt nước mắt của người lớn anh nhìn thấy có nụ cười của đám trẻ thơ, trong sự mệt mỏi rã rượi của người này anh đọc thấy sức sống vũ bão của người khác, bên kia bóng tối của dĩ vãng chắc chắn phải là ánh sáng của tương lai.

Vy, dù sao anh tin rằng những dòng chữ này sẽ đến tay em sớm hơn là anh mong ước. Anh cũng tưởng tượng là em choàng áo len dày đang ngồi trên chiếc xích đu ngoài sân nhà xây trên một ngọn đồi cao buổi chiều sương đang xuống, đọc những ý nghĩ này của anh, những ý nghĩ rời rạc không ra đâu vào đâu, lang bang và lan man như đời sống anh. Em

hỏi anh đang làm gì trong lúc này, anh đang nghĩ đến ai. Anh đang viết thư cho em và anh đang nghĩ đến em. Anh nhớ em vô cùng. Em như viên thuốc Ascorbine tan thơm trong miệng anh.

Vy, anh đang gọi tên em để làm thơm đời anh. Em là đôi cánh chắp vào thân anh để anh có thể bay cao hơn. Em là những chiếc bánh xe lắp vào chân anh để anh lăn mau hơn. Em là ánh sáng gắn thêm vào mắt anh để anh nhìn rõ hơn cuộc đời đầy ngõ ngách. Em là trái tim đập mỗi phút giây trong lồng ngực anh để anh còn có sự sống. Em là anh và anh là em. Chúng ta là một.

Vy yêu dấu,

Hãy thắp sáng buổi chiều trên thành phố cao nguyên đỏ bằng ngọn lửa của trái tim em, và hãy đọc thư anh bằng con

mắt của niềm hy vọng mà em lúc nào cũng sẵn có.

Nếu những dòng chữ này vẫn không kịp đến với em vào phút linh thiêng, em hãy nghe lại điệp khúc của bài ca quen thuộc của chúng ta, bài hát mà chúng ta đã từng nghe một ngày nào:

Nhớ tới đêm đầy ánh sáng

Hương trong khói tràn mênh mang

Giây phút như ngừng trôi trôi

Tiếng kinh muôn lời....

Hãy nhắm mắt lại, hãy đếm từ một cho đến khi nào tiếng chuông của ngôi giáo đường gần nhà em ở nhất ngân lên, lúc ấy em hãy mở mắt ra vì anh đã đến với em và em sẽ chẳng cần đọc những dòng chữ này nữa, lá thư ấy là anh và

chúng ta sẽ đọc những ý nghĩ của chúng ta trong mắt nhìn của người khác.

Nhưng, thư từ làm cái gì, chữ nghĩa cũng là điều vô ích, nếu một khi chúng ta đã không còn muốn đọc nhau nữa. Phải không Vy?

Tháng Mười Hai, 1969

## DƯỚI TÀN CÂY TRỨNG CÁ

C hiếc GMC thả chúng tôi xuống ở một ngã tư. Mới sáng sớm mà trời đã nắng gắt. Thành phố chói chang trong lớp bụi mù. Chúng tôi rủ nhau vào một quán cà phê ở góc đường. Cà phê rót tất trong loại ly nhựa màu tro, có vẻ không sạch lắm. Nhưng so với cà phê trong quán trường thì còn khá hơn nhiều.

Chưa hết ly cà phê, người bạn cùng

tiểu đoàn khóa sinh với tôi đứng lên trước. Anh dặn:

– Đúng bốn giờ. Tại đây nhé ! Ông đến trễ thì liệu đường vô trại. Bị phạt thì ráng chịu. Sẽ không ai chờ ai đâu đó.

– Ủ, bốn giờ thì bốn giờ.

Tôi trả lời bạn, nhưng vẫn tiếp tục uống cà phê. Bởi vì tôi không biết mình sẽ làm gì với những giờ phép ít oi này.

Ngồi lại một mình trong quán cóc vắng, tôi thấy mình quá lẻ loi. Bộ quân phục màu rêu, bảng tên may dính vào túi áo bên mặt, một chiếc bảng khác ghi danh số bên túi trái. Cả hai đều màu vàng làm nền cho những chữ và số màu đỏ chói. Tôi đứng dậy, không một dự định nào trong đầu. Tôi đưa tay chặn cầu may chiếc tắc-xi vừa trở tới.

Về đâu cậu? Bác tắc xi cho xe chạy chậm, hỏi. Đi đâu? Thật tình tôi cũng không biết mình đi đâu nữa. Mãi một chập sau tôi mới nói được với ông địa chỉ mà tôi muốn tới (chứ không phải địa chỉ mà tôi phải tới, phải tạt qua trong khoảng thời gian bốn giờ đồng hồ còn lại cho một ngày xuất trại).

Tôi nhớ tới Hà, người bạn gái của tôi. Hà hai mươi hai tuổi, đang làm việc cho một hãng thông tấn Nhật. Đó là một phụ nữ kỳ lạ. Tôi nói Hà kỳ lạ vì tính tình cô có vẻ như không giống với bất cứ một người con gái Việt Nam nào khác thời bấy giờ. Hà nhỏ nhắn, nhưng ngực nở, đôi mắt không đẹp nhưng sáng lóng lánh dưới đôi kính cận. Cô hút thuốc khá nhiều, gần như đốt hết điếu này là châm ngay điếu khác. Cô đã có một đứa con, nhưng không ai biết bố của cháu là

người nào, mặc dù, bạn bè chúng tôi vẫn hiểu ngầm nhau rằng chính một người trong bọn tôi là thân sinh của chú bé.

Hà không xem chuyện mình không chồng mà có con là điều hệ trọng. Có lần cô nói với tôi:

– Cái xã hội này quá già cỗi, quá cổ lỗ sĩ rồi, tại sao ta cứ phải làm theo luật lệ lỗi thời của nó chứ? Tôi có đời sống của tôi, tại sao tôi không sống cho tôi mà lại phải đi sống theo như người khác muốn tôi phải sống? Tôi hút thuốc, uống cà phê, đi ăn một mình hay với một người đàn ông nào khác, đâu có gì là tội lỗi. Tôi sống thoải mái, vì tôi chỉ làm những gì tôi thích, chứ không làm những gì người khác thích tôi phải làm.

Lần đầu tiên gặp Hà trong quán cà phê La Pagode, một đồng nghiệp của tôi

giới thiệu Hà là một “nhà báo nữ ngổ ngáo và can đảm” của thời đại. Tôi không hiểu thế nào là một nhà báo nữ can đảm của thời đại, nhưng nhìn cách Hà châm thuốc và cách cô uống rượu mạnh tôi lơ mơ thấy phần nào tính cách đầy nam tính nơi cô.

Hôm đó, trước khi dụi tàn thuốc xuống ly cà phê, cô hỏi tôi, ông có nghĩ là chiều nay mình đi xem cuốn phim mới của Charles Bronson chẳng? Đề nghị của Hà làm tôi bối rối. Chẳng phải tôi sợ điều chi, nhưng thật tình là tôi không chờ đợi nơi người bạn gái mới của tôi một gợi ý như thế. Thấy tôi lúng túng, Hà phì cười:

– Nếu bạn thì thôi. Hẹn dịp khác nhé!

Và cô bỏ đi. Rõ ràng Hà không phải là một cô gái đẹp, nhưng tôi rất thích cô.



Tôi ưa cái lối nói thẳng, đốp chát vào mặt của Hà, chỉ có cách đó mới làm tôi giật mình tỉnh táo. Từ lâu tôi vẫn nghĩ bụng đàn ông bao giờ cũng vẫn mạnh hơn đàn bà. Và thế giới này đâu phải là thế giới của phụ nữ. Điều đó bây giờ phải xét lại.

Tôi biết ngày hôm nay phải dành cho Hà. Thăm cô, uống một ly cà phê, đốt một điếu thuốc cùng cô, chắc chắn là một ngày phép tốt đẹp của tôi.

Xe chạy qua đường Nguyễn Huệ. Những cây thông bán vào dịp lễ Giáng Sinh đang chất đống bên ngoài các kiosk. Tôi vỗ vỗ lên vai bác tài. Tôi nghĩ đến việc mua tặng cho Hà một cành lan.

Xe ngừng lại sát thêm một quán hoa. Nhưng tôi vẫn ngồi trên xe, chưa muốn xuống. Chiếc túi vải màu rêu đựng những khăn lau mặt, bàn chải đánh răng, một

cuốn sách (mà tôi biết chắc sẽ không bao giờ có thời giờ để đọc...) đặt trên đùi.

Hà thích hoa gì? Tôi chưa có cơ hội biết ý thích của cô. Hay mình mua cho Hà một bó hồng? Có vẻ tỏ tình, cái lương quá. Nhiều khi tôi nghĩ bọn đàn ông thật là ngu si, họ nghĩ ra các các kiểu thời trang; các thứ trang sức, son phấn, nước hoa, quần áo để tạo ra những người đàn bà đẹp và quyến rũ, để rồi chính họ rơi vào những chiếc bẫy do chính mình đã tạo ra đó.

Tôi nhớ một lần chở Hà đi chơi về khuya qua đây, Hà đòi tôi ngừng xe ở cái quán hoa này. Hôm đó tôi rất ngạc nhiên vì tôi biết tính Hà bất cần đời, không ưa làm dáng và ghét ỏng ẹo. Tôi tưởng Hà muốn tôi mua hoa tặng cho cô. Nhưng không. Người bước xuống xe là Hà. Cô vào quán mang ra cho tôi một bông

hồng, dí vào tay tôi, bắt tôi nhận. Hà nói:

– Tôi thích tặng hoa này cho anh, chẳng phải vì hoa hồng nhưng có nghĩa là tôi yêu anh say đắm đâu, tôi muốn tặng nó cho anh bởi vì tôi muốn thế, anh hiểu không?

Anh hiểu không? Hình như ở mỗi cuối câu nói của cô đều có những tiếng đó, giống như lối chấm dứt mỗi câu của những huấn luyện viên tại quân trường mà tôi đang thụ huấn (Nghe rõ chưa? Rõ. Nghe rõ chưa? Rõ...) những điệp khúc đó thật khó quên nhưng khó hiểu và khó có thể rõ được.

Bữa đó tôi mang hoa về cắm trong cái ly để bàn chải đánh răng trong buồng tắm. Buổi sáng khi đang ăn điểm tâm, Lan hỏi tôi đột ngột, cô nào tặng hoa cho anh vậy. Tôi không giấu chuyện Hà tặng

hoa. Tôi nghe tiếng Lan cười, “đàn bà, con gái ai lại đi tặng hoa cho đàn ông”. Tuy vậy, về sau, thỉnh thoảng Lan cũng hỏi tôi:

– Chuyện của anh với cô Hà đi đến đâu rồi?

Tôi trả lời:

– Chẳng đi đến đâu hết.

Lan im lặng, không có vẻ gì là tin lời tôi nói. Sự im lặng của Lan không làm tôi ngạc nhiên.

Tôi xuống xe, bỏ lại chiếc túi vải màu rêu trên băng ghế sau. Tôi đã quyết định mua tặng Hà một nhánh lan, tro troi một bông hoa màu trắng man dại. Tôi nghĩ đến Hà với dáng vẻ cứng cỏi lạnh lùng, nhưng đôi khi bất ngờ mềm mại đam mê cuồng nhiệt.

Tôi trả tiền cầm nhánh lan chui vào lại tắc-xi. Bác tài xế ngủ gục trên tay lái, trán úp lên hai cánh tay, bất động trong một buổi sáng Sài Gòn đầy nắng cháy da.

Tiếng đóng cửa xe làm ông ta giật mình tỉnh dậy và không đợi tôi nói, ông cho máy nổ, chạy tiếp. Tôi gợi chuyện về đời sống thành phố, ông nói sinh hoạt bây giờ đắt đỏ quá, đời sống càng ngày càng khó khăn. Ông hỏi tôi bao giờ thì ra trường, liệu người ta có còn đánh nhau nữa không. Ông nói đứa con trai lớn của ông vào lính chưa đầy hai năm và mới chết trong một trận đánh vào tuần rồi.

– Nó bằng tuổi của cậu, và con vợ nó đã chạy theo một thằng đàn ông khác. Tới chừng nào thì hòa bình hả cậu, cậu có tin hòa bình sắp đến nơi rồi không? Thằng út của tôi vừa thi trượt lớp Đệ Thất, tôi không chạy được xe ban đêm,

mắt tôi yếu lắm, đèn chói không thấy lối nào mà tránh. Tết nhất lại đến nơi rồi... Mà cậu có gia đình chưa, tôi nhớ thằng hai tôi quá, liệu người ta có còn đánh nhau nữa không?...

Tôi không ngờ ông nói nhiều đến thế. Tôi nói tôi sắp ra trường, chắc người ta sẽ không đánh nhau nữa đâu, phải có lúc người ta mệt mỏi chứ và tôi tin chắc là người ta đã bắt đầu mệt mỏi rồi, tôi đã có gia đình và tôi tin tưởng sẽ có hòa bình, tôi là người lúc nào cũng hy vọng, tôi thành thật chia buồn cùng ông và tôi nói con ông đã sống xứng đáng. Tôi châm một điếu thuốc và mời cho ông một điếu khác. Tôi thấy da mặt ông nhăn nhúm. Và những sợi râu cứng mọc chìa hai bên mép.

Khi xe chạy ngang qua một khu chợ nhỏ, đường một chiều chật nghẹt những

người mua bán, ông nói, tết này không hiểu mấy “ổng” có tính “chơi” nữa không đây? Tôi cười, nhớ hồi Tết năm ngoái bị kẹt ngoài Vũng Tàu, gần một tháng trời, hết nghe đài phát thanh lại đọc sách. Có khi nằm lì trong khách sạn, có lúc xuống bãi nằm hoặc ra bến xe đò nghe ngóng tin tức. Những cuốn sách đã đọc lại được đem ra đọc thêm một lượt nữa, những mẩu báo đã cũ (gói bánh mì buổi sáng) cũng đem ra rì mọ từng dòng, từng chữ như thể từ nay sẽ không bao giờ còn chữ để mà đọc nữa.

Lan nói lúc này mà anh còn có can đảm đọc sách được kể cũng lạ thật. Tôi đáp, nếu không làm việc đó thì em nghĩ tôi phải làm gì bây giờ? Lan không trả lời. Cô ấy chẳng bao giờ trả lời những câu hỏi ngược của tôi. Tôi ưa nóng giận một cách vô lý, Lan biết và cô ta đã kịp

thời làm nguội những cơn giận đó.

Buổi sáng tôi ra bãi, nằm dài trên cát nhắm mắt [vì bị chói nắng], hút thuốc lá lắng tai nghe những tiếng động xung quanh, một lúc những tiếng động đó bỗng nhỏ dần trong đầu tôi và tôi chợt thấy mình sống lại những ngày tuổi nhỏ lang thang ở quê nhà miền biển, bãi cát, bụi dương, đường phố và mặt nước xanh với tiếng sóng đập âm ì trên những kè đá...

Lúc đó, tôi lại thấy hình ảnh của Hà giống như những đóa lan rừng mọc trên những cành trơ trụi. Và đứa trẻ lang thang là tôi chui nhủi lẫn trốn trong những hang động của tuổi thơ bỗng như sống dậy đi đứng chạy nhảy. Đó cũng còn là những hình ảnh mà tôi đã thành linh bắt gặp qua những lần nói chuyện với Hà, nghe cái giọng nói khàn khàn

của cô nhuộm vẻ xúc động, và quyến rũ làm sao.

Hà đang ngồi giặt một chậu lớn quần áo dưới tàn cây trứng cá trước sân nhà. Tôi nhận ra vài chiếc áo Hà vẫn mặc mỗi khi đi chơi với tôi và một ít đồ lót mà đã có lần tôi vò nát chúng trong tay. (Tôi thích nhìn đàn bà trong bộ đồ lót hơn là ngắm họ với quần áo tề chỉnh hay trần truồng. Tôi cố hiểu nhưng không sao phân tích nổi vì đâu có cái ý thích đó. Dầu sao, khi người đàn bà chỉ mặc đồ lót thôi, họ trở nên duyên dáng hơn, dễ thương hơn và quyến rũ hơn. Tôi nghĩ thế.)

Hà ngược lên nhìn tôi với chiếc bàn chải trong tay đầy xà phòng.

– Về phép à? Sao lại giờ này?

– Không, về có chút việc. Xong công tác thấy còn ít giờ, không biết làm gì, lại đây.

– Không biết làm gì, lại đây?

– Chỉ nghĩ như vậy thôi, cũng được.

– Đùa đấy. Vào nhà chơi đi.

Hà vừa nói vừa khoắn tay trong chậu nước đầy bọt xà phòng. Tôi nhìn thấy một phần ông quần của Hà ướt nước, hai bàn chân trần trắng xanh (vẫn thường giấu kín trong giày cao mỗi khi đi chơi với tôi) gợi một cảm giác tươi mát và thêm muốn.

Tôi xua tay:

– Cứ giặt tiếp đi, tôi ngồi xem cũng được.

– Đừng khôì hài. Anh sẽ thấy tôi ngồi giặt có vẻ kỳ cục lắm.

– Cô tưởng tôi dễ bị những hình ảnh này đánh lừa hay sao?

Hà đứng lên, vói chiếc gáo múc nước sạch trong phuy xối rửa tay:

– Tôi thường thanh toán quần áo dơ mỗi tuần một lần. Những lúc đó tôi không nghĩ ngợi gì cả.

– Không nghĩ ngợi gì? Thật vậy sao?

– Không hẳn thế. Tôi cũng có nghĩ trong lúc giặt đồ nhưng là những ý nghĩ nhẹ nhàng và vui tươi hơn, những ý nghĩ của bột xà phòng, của sự cử động không đều đặn, của hai bàn tay.

– Thế còn thân thể? Nó không cho cô một ý nghĩ nào sao?

Hà cười trả cho tôi một chiếc xích đu dành cho trẻ con đặt dưới gốc cây trứng cá.

– Anh ngồi đó đợi tôi một lúc. Nói chuyện ở ngoài dễ chịu hơn.

Hà quay vào nhà. Tôi đến bên xích đu ngồi xuống bỏ mũ ra và chợt nhận thấy cành hoa lan vẫn còn trong tay mình. Hà trở ra, tóc đã chải lại gọn hơn, khuôn mặt tươi mát hẳn. Cô đặt ly nước lạnh trong tay tôi và châm cho tôi một điều thuốc.

– Chắc người nhà binh khát nước?

– Cám ơn. Tôi đang khát lắm đây.

Chợt Hà kêu lên:

– Trời ơi, mang hoa đi tặng ai thế này?

Tôi đưa hoa cho Hà.

– Này, nhận đi và đừng hỏi gì nữa.

– Tại sao?

– Nếu trả lời được câu hỏi của cô thì tôi đã không mang nó đến đây làm gì.

– Orchidée à? Tôi thích lắm. Có cần phải nói...

– ... Không, không cần phải nói cảm ơn gì hết.

Tôi thả điều thuốc xuống đất, dí mũi giày lên (tôi không chịu được mùi thuốc của Hà, nó nhẹ nhưng hốc cổ, có lẽ tôi phải đi mua một bao thuốc cho tôi, tôi để ý thấy chẳng bao giờ Hà hút thứ thuốc tôi hút, có phải sự khác nhau đó làm cho chúng tôi gần nhau?)

– Anh có muốn đi ăn gì không?

– Không. Tôi không đói.

– Anh có đủ thì giờ đi xem một cuốn phim không?

– Không. Chắc là không đủ đâu.

– Vậy mình làm gì bây giờ?

– Chẳng cần phải làm gì cả. Nếu cô bận chuyện gì thì cứ làm cho xong. Tôi chỉ còn ngồi lại với cô một chút nữa thôi. Tôi phải trở lại quân trường.

Tôi chỉ nói vậy thôi. Vì tôi biết thì giờ của tôi đâu đã hết.

Chúng tôi sau cùng đến ngồi ở quán cà phê trên đường Tự Do. Không phải quán Cái Chùa mà bọn tôi vẫn quen ngồi. Hà kéo tôi vào quán Continental. Tôi hỏi tại sao. Hà nói để tôi giới thiệu với anh một chị ký giả người Ý này hay

lắm. Tôi bảo Hà là tôi không còn thì giờ đâu. Nếu tôi sa đà vào trễ thì sẽ bị phạt và như vậy tuần tới khó mà lấy được phép. Hà hỏi tôi giờ chính xác phải trở lại quân trường. Khi nghe tôi nói giờ và nơi hẹn, cô cười bảo thế thì còn thừa mứa ra đấy lo gì.

– Tôi sẽ đưa anh đến nơi đúng giờ. Và nếu bị trễ thì tôi vẫn có cách để tuần tới tôi vẫn lời anh ra được như thường. Bây giờ, anh đi uống cà phê với tôi, tôi sẽ kể chuyện lấy tin chiến trường cho anh nghe.

Quán Continental ít khách Việt, phần lớn là đám ký giả ngoại quốc. Tôi không thích quán này vì cái cấu trúc rất thực dân của nó. Mặt bằng của nó cao hơn mặt đường Tự Do, ít ra cũng bằng chiều cao của một người Việt Nam trung bình. Ngồi uống một chai la ve ngó

xuống mặt đường như kiếu quan trên trông xuống cái đám tiện dân qua lại. Tôi biết Hà không nghĩ như tôi. Cô có nhiều bạn ở khách sạn - nhà hàng ăn này, thỉnh thoảng tôi vẫn thấy cô đi với mấy người Nhật hoặc một anh chàng ký giả Pháp nào đó, mà cô có lần giới thiệu với tôi.

Tuy vậy tôi chưa có dịp thấy một nữ ký giả ngoại quốc nào. Tôi vẫn nghĩ cuộc chiến Việt Nam ngày càng ác liệt, khó mà có một người con gái phương Tây nào chịu đến đây “xông vào làn tên mũi đạn” như Hà. Có mà điên! Hà nói:

– Anh thì biết gì chứ. Cái đầu óc coi thường phụ nữ thâm căn cố đế của mấy ông chắc còn lâu mới gột sạch. Để anh gặp chị này anh mới thấy, không phải anh đàn ông nào cũng làm được điều mà chị ấy làm đâu đấy.



Hà gọi hai chai bia và khi người bồi mặc toàn trắng mang bia ra, cô dúm vào tay anh ta tờ giấy bạc cuộn tròn như điều thuốc, hỏi:

– Tôi có cái hẹn với chị Oriana Fallici. Từ sáng tới giờ, anh có nhìn thấy chị ấy đâu đây không?

– Thưa cô không.

A! Anh ta đập tay lên trán, tờ giấy bạc của Hà đưa vẫn còn nằm trong lòng bàn tay.

– Tôi nhớ rồi, bà ấy đã đi đâu từ sáng sớm với ông François Pelou, cái ông người Pháp cao lớn đẹp trai như tài tử xi nê đó!

– Thôi chết tôi rồi.

Hà nói với người bồi bàn:

– Tôi lỡ cái hẹn với chị Fallici. Tôi hẹn chị hôm qua chứ không phải hôm nay. Xin cảm ơn anh.

– Nhưng mà Fallici là ai vậy? Tôi hỏi.

– Đó là một con người mà anh cần phải gặp. Tôi chưa thấy một phụ nữ nào tuyệt vời như chị ta. Tôi cũng có quen một nữ ký giả người Pháp tên Catherine Leroy, nhưng tôi vẫn nghĩ khó mà tìm một người có thể so sánh với Fallici.

– Xinh đẹp?

– Theo tôi đó là một người phụ nữ nhan sắc. Tới nơi tới chốn. Anh gặp chị ta thì anh chỉ có nước chết thôi chứ không sống nổi đâu.

– Tôi cũng mong được như vậy. Cô cứ tin tôi đi, khi một người đàn ông không còn rung động trước sắc đẹp của

một phụ nữ nữa thì cuộc đời ông ta coi như cũng đã xong.

– Nhưng tôi tưởng cuộc đời anh coi như đã xong từ lâu rồi chứ!

– Thì cứ coi là như vậy đi.

Tôi nói gượng gạo. Và tôi ngạc nhiên không biết tại sao hôm nay Hà tấn công mình tới tấp như thế.

Thế nhưng, Hà ngồi im lặng như một bức tượng. Cô đặt ly bia xuống, lấy một điều thuốc, khum tay che môi lửa. Một lúc lâu, Hà nói:

– Có lần tôi hỏi chị ấy câu này...

– Chị ấy là ai vậy? Tôi ngắt lời Hà.

– Trời ơi! Anh làm sao vậy? Thì chị ấy là Fallici đó.

Hà cười. Hàm răng cô không trắng lắm. Nhưng tôi thấy đôi mắt cô sáng lên dưới mắt kính cận.

– Có lần tôi nói với chị rằng đất nước này là của tôi, tôi sống và chết với nó đã đành, còn chị chuyện gì mà phải đến đây chứ!

– Thế rồi chị ấy trả lời Hà làm sao?

– Chị ấy nhún vai bảo tôi hỏi câu ngu ngốc. Và chị hỏi sao tôi không hỏi cái anh chàng đẹp trai như Alain Delon kia vì sao bỏ Paris qua cái xứ chiến tranh triền miên này làm cái gì?

– Nhưng cái anh chàng đẹp trai kia là ai vậy chứ?

– Anh ấy là François Pelou, hăng thông tấn Pháp.

– Và anh ấy trả lời làm sao?

– Tôi có hỏi đâu. Chính Fallici nói cho tôi nghe mấy suy nghĩ của chị ấy...

Hà dụi điều Salem hút nửa chừng xuống cái gạt tàn.

– Bởi vì chị cũng đã đặt một câu hỏi tương tự với những người đồng nghiệp của chị: Họ tìm cái gì ở đất nước bất an này vậy? Đi tìm một cảm giác mạnh cho đỡ buồn chán chẳng? Hay là bị người tình ruồng bỏ đi tìm sự lãng quên? Hay đến Việt Nam để tìm một huy chương cho cuộc đời, một tên tuổi trong làng báo sẽ nổi lên nhờ chiến tranh hoặc nhờ cuộc chiến này mà có được một số tiền nếu bán được bức ảnh hay một thiên phóng sự?...

Hay nói theo cái cô nhiếp ảnh người

Pháp Catherine Leroy thì trước đó nghe nói chiến tranh hoài mà không biết thế nào là chiến tranh cho nên đến Việt Nam cho biết. Còn chị ấy thì sao hả?

Fallici bảo chị đến Việt Nam để tìm hiểu con người, chị muốn biết con người nghĩ gì khi giết người khác và bị người khác giết lại. Chị muốn trải nghiệm một điều mà từ lâu chị vẫn tin tưởng: Chiến tranh là một việc làm vô ích và ngu ngốc, là bằng chứng súc vật nhất về tính ngớ ngẩn của loài người. Theo chị chúng ta đang sống trong một thế giới giả dối. Một mặt con người ca tụng sự thành công của một cuộc giải phẫu ghép tim, mặt khác họ lại để cho hàng ngàn, hàng triệu con người trai trẻ khỏe mạnh với trái tim rất tốt đi vào chỗ chết như những con bò đi vào lò mổ chỉ vì một lá cờ.

Khi tôi đến nơi hẹn, người bạn tôi không có đấy. Tôi đã đến trễ chăng? Hay không chừng họ sắp tới. Tôi nán lại chờ thêm một hồi lâu nữa. Đường phố đã bắt đầu đen ngệt trở lại. Khói xe, bụi mù của đường, và những nét nhăn nhó trên mặt mỗi người lướt qua. Ngã tư đèn xanh, đèn đỏ.

Một chiếc xe nhà binh bóp còi chát tai vụt qua đẩy tạt tôi lên lề đường. Tôi thấy trên tay tôi còn cầm tờ giấy phép xuất trại.

Phải lâu lắm tôi mới đón được xe về lối Chợ Cầu. Hình như tôi là người thứ nhất trong ba đứa đã trở lại doanh trại.

Hãy tưởng tượng giờ đây tôi đang

ngồi dưới bóng mát của cây bả đậu, (loài cây thân to, lá xum xuê đầy gai, những trái tròn có khứa như cà chua và hơi buồn thảm) trước mặt là con đường mương dài nước đen ngầu với rêu xanh và đã được chà láng thật láng, con đường mương mà những ngày đầu tiên khi mới đến tôi đã đốt nển, vất vả, nguyên rửa để chà nó bằng lưng của chiếc gà-mên còm.

Hãy tưởng tượng giường ngủ của tôi bằng gỗ cứng nhắc, túi quân trang gói đầu đầy ắp những poncho, quần áo, bút tất, thắt lưng đạn, lều cá nhân, bình nước và đủ thứ. Tôi biết những ngày sắp tới của mình không còn bình thường nữa. Tôi càng không bao giờ tưởng tượng là sẽ có một ngày mình có người yêu là Hà.

Tình yêu của Hà và tôi, nếu có chỉ là thứ tình yêu tưởng tượng thôi.

Thời chiến tranh, tình yêu đôi khi là  
xa xí phẩm.

1968.

## NHƯNG, TA KHÔNG THẤY GÌ HẾT

*“Ngón tay tôi cầm lấy  
sự thật mà tôi biết.”  
Augusti Bartra*

**K**hông thấy gì hết, buổi sáng rồi qua, buổi trưa rồi tới, buổi chiều rồi đến. Và đêm xuống như mọi đêm. Hôm kia mưa một trận mưa lớn, bữa nay nắng đã ngập trời. Con đường bụi đỏ ta đã đi, nước đã thấm ướt tận gót giày, trên những lá úa sũng nhàu tuổi nhỏ ta đã nhẩn như những mùa nước lũ.

Mặt biển đỏ lên cao thịnh nộ, trắng những ngọn sóng thần, đục những màu nước táp, nơi ta đã trầm mình, như một người chết đuối dật dờ cái thân xác chờ ngày mai táng.

Gác chân lên rào gỗ, gọi một chai bia lạnh, hớp một ngụm đầy, nhắm mắt dưới mặt kiếng đen to bản hình như ta nghe được tiếng chân quá khứ đang gõ nhịp nhàn trên đường dây trí nhớ.

Ta biết mẹ đã già, tiếng súng hằng đêm làm rung động những sợi thần kinh khô mồi, da đã nhăn màu củi mục, xếp nếp như chiếc áo chưa kịp là, một chút đời sống còn treo lủng lẻo trên bờ vực thẳm.

Ta yêu con mắt đục nâu, chiếc miệng móm bã trầu đỏ quánh, những sợi tóc bạc, lưng còng.

Ta yêu những ngày sau cùng của đời người một đã cho ta sự sống, đã cuồng nhiệt yêu ta, như yêu đôi guốc mộc kéo lê dưới chân mình; người đàn bà đã nuôi nấng ta như trồng một cái cây mà bón quá nhiều phân, tưới quá nhiều nước.

Mẹ bây giờ là quang cảnh của một thành phố sau trận hỏa hoạn, rui kèo đã nám, ngổn ngang gạch ngói và tro than. Và ta, thân cây lớn đã bị chẻ làm mái giầm bơi trên những giòng sông nhỏ.

Thổi mạnh thêm nữa đi cơn gió biển buổi chiều, cho cuốn tung đi những bãi cát buồn bã của thời mới lớn ta.

Có phải nơi đây, phía dưới sâu của chiếc ghế ta đang ngồi, mười lăm năm trước ta đã lăn vùi trong cát, lủi sâu giữa những bụi dương như những con dã tràng nhủi tắm trong hố nước?

Có phải ngay trên chiếc ghế tựa này, không lâu lắm ta đã duỗi dài chân tay, duỗi dài trí tưởng, đốt điều thuốc thứ nhất trong ngày, khóc no nê những giọt nước mắt lần đầu sau giờ lâm chung của cha già?

Có phải quanh quần đầu đây, bên những cây dừa nước ta đã thấy lại bóng tối của một thời tuổi nhỏ, cái màu đen hắc ám sao cứ theo đuổi mãi đời ta?

Thổi mạnh thêm chút nữa đi hơi trận cuồng phong của đất trời, hãy cuốn tung thân xác ta đi như những hạt bụi, hãy đổ ập xuống trái đất đầy bất công này cơn hồng thủy sau cùng của thiên địa.

Ôi, những rác rến nào của thời thơ ấu đã cùng ta tấp dạt vào bến bờ quên lãng!

Những hạt cát sống lâu nghìn năm trước ta và sẽ sống mãi đến nghìn năm sau ta có nhìn thấy ta đang đi từ những nỗi thống khổ này sang những niềm bi thảm khác?

Những con sóng quên lãng nào đã ào ạt vỗ vào ghềnh đá, đã tan xác thành bọt trắng xóa, có nghe thấy ta nói không?

Những hào hển bám rêu xanh ở núi đá ngoài khơi xa kia đã từng cắt xước đến rướm máu đôi bàn chân ta, vẫn luôn luôn há mồm tát những triều nước mặn, có còn chờ đợi ta với dao nhọn, với muối tiêu và chanh chua, và nỗi đắng cay?

Ta đã trở về chưa thành phố ngày xưa?

Bật một que diêm, khum tay che một đốm lửa, đốt một điếu thuốc, hâm nóng một kỷ niệm.

Nhưng không, ta không nhìn thấy gì hết.

Que diêm tắt, đốm lửa rụi tàn, điều thuốc lạnh tanh, kỷ niệm đã chết như rừng dương tuổi nhỏ nay đã bị san bằng để trở thành phi đạo.

Thối mạnh hơn nữa đi hỡi đám cuồng phong còn ngái ngủ, hãy đẩy những con sóng lớn phủ ập chỗ ta ngồi, cuốn phăng hết những quán hàng nhà cửa cây cối, cuốn phăng luôn những người và vật xung động và tị hiềm, trả lại cho ta những con đóm xanh bay lẻ loi dọc theo mé nước đêm, và ta một mình, hai tay trong túi rỗng, đếm từng bước đi.

Ta có một gia đình sao? Mái nhà nào đã cho ta nơi trú ngụ? Ôi những tổ âm tù ngục đã chung thân đời ta!



Hãy lớn như trận bão Hester bốc tung những thành phố và ném trả lại sau nó sự điêu tàn và chết chóc.

Ta tưởng ngón tay ta cầm lấy được sự thật mà ta biết, nhưng ta không thấy gì hết.

Chỉ là chút gió nhẹ nhàng thổi rì rào qua những nhánh lá dương.

Chỉ là tiếng ì ầm muôn năm của sóng bể tấp vào bờ cát. Chỉ là hơi nước mặn ướt rịn trên môi khô ta.

Chỉ là ta.

Không thấy gì hết. Buổi sáng rồi qua, buổi trưa rồi tối, buổi chiều rồi đến. Đêm sẽ xuống như mọi đêm.

Và sáng mai một mặt trời sẽ đỏ rực ở sau núi đá kia.

1969

## VÒNG TRÒN

**B** iển buổi sáng vắng. Mặt trời chưa lên. Không một chút gió, nhưng lạnh, lạnh lắm. Chúng tôi đã nằm bên nhau trên cát gần như suốt đêm qua. Trâm nói nhiều hơn mọi khi. Cô bảo thành phố này thật là quá xa lạ với cô. Nhưng cô thích nghe tiếng sóng biển, thích những tảng đá Hòn Chồng, thích làng dừa Ngọc Hội, thích cái hương vị kỳ lạ của những cơn gió mang đầy chất muối. Trâm bảo cái thị trấn này quá nhỏ,

chỉ một đường phố chính, chật như một cái hộp, nhưng mà thân mật.

Cái thành phố gì mà ai cũng quen biết nhau tưởng như tất cả mọi người đều là thành viên của một đại gia đình. Tôi nói với Trâm rằng quả thật là như thế. Những ông Cha bà Mẹ của chúng tôi đều quen biết nhau, và khi bọn chúng tôi ra đời, đi học, đi thi, đi lính hay đi xa nhà,... bao giờ chúng tôi cũng nhớ nhau, như chúng tôi là những người từng sống trong cùng một ngôi nhà. Trâm bảo thế thì chẳng ai có thể giấu ai được điều gì nhỉ? Chẳng lẽ, ai yêu ai giận ai mà ai cũng biết sao? Tất nhiên là như thế. Như bây giờ đây tôi đi phố với Trâm, tôi nằm với Trâm trên bãi cát này cả thành phố rồi cũng sẽ biết thôi. Trâm nói thế thì kỳ quá đi, còn gì là riêng tư nữa. Đột nhiên Trâm hỏi:

– Bao giờ anh trở lại Sài Gòn?

Đó là một hỏi cũ, vì Trâm đã hỏi y như thế suốt hai hôm nay. Và tôi trả lời [cũng là một câu trả lời rất cũ]:

– Mai. Thế còn em?

– Chưa biết. Nhưng chắc sẽ về sau anh vài ngày.

– Tại sao?

– Em muốn ở lại thêm vài ngày nữa. Em muốn nhìn thành phố của anh mà không có anh nó ra sao?

Thế là thế nào, tôi không hiểu. Nhưng tôi nhất định suốt ngày hôm nay chỉ sống với Trâm.

Tôi quen Trâm một cách tình cờ cách nay chừng bốn năm trong một đám tang. Người qua đời là bà cô tôi và là

bạn thân của mẹ Trâm. Mẹ tôi và cô tôi không ưa nhau, và những người bạn của cô tôi cũng rất khác tâm tính với mẹ tôi. Tôi không hề quen Trâm trước đó, mặc dù thỉnh thoảng có nghe nhắc đến tên cô.

Lần đầu gặp Trâm trong buổi tang lễ đúng vào thời gian Trâm mới lấy chồng, ông Ng., một người vừa du học ở Mỹ về, và đang chờ bổ nhiệm vào một chức vụ quan trọng trong Bộ Kinh tế. Trâm tươi tắn, xinh đẹp và khỏe mạnh. Cái vẻ đẹp hồng hào, hừng hực sức sống mà ai mới nhìn thấy cũng chỉ muốn ôm ấp và được ôm ấp. Mái tóc ngắn đen mượt, áo sơ mi tay ngắn, dây lông tơ, cái váy cùn cộn với một đôi chân dài thẳng.

Bố Trâm là một tay chơi cá ngựa nổi tiếng. Sau này có lần ông kể tôi nghe là ông rất thích dẫn con gái rượu của ông

đến trường đua Phú Thọ, vì ông nói:

– Có nó bao giờ tôi cũng thắng, nhưng nó ghét đua ngựa, thành ra... tôi vẫn cứ phải thua.

Ông bảo tôi:

– Thằng chồng nó làm lớn may ra mới kham nổi lỗi ăn xài của nó. Bác thì bác chịu thôi. Bác gái nhắc hôm nào cháu lại nhà chơi. Má cháu có khỏe không?

Bố Trâm cho biết cô là người tiêu tiền như nước. Quần áo, giày dép, nước hoa, xe cộ, nhà cửa, thứ gì cũng phải sang, phải đẹp, phải quý phái, phải hơn cái người khác có một chút. Tôi thích Trâm, nhưng tôi không nghĩ là mình nên có một người như thế trong nhà.

Tôi đến chơi nhà bố Trâm mấy lần, nhưng không lần nào gặp Trâm. Một

lần, cô chơi tennis chưa về, và một lần cô theo chồng đi Đài Loan công tác. Tôi không có thói quen chạy theo những cái bóng, và như thế trong một quãng thời gian dài tôi gần như quên Trâm, không nhớ rằng trên đời này còn có một người đàn bà xinh đẹp như thế. Có thể là lúc đó tôi có nhiều việc phải làm. Cũng có thể hồi đó tôi đang quen Hà, một người không nhan sắc, nếu không muốn nói là gần như trái ngược hẳn với Trâm. Đó là một cô gái thông minh, giản dị, hơi lạnh lùng và thiếu “nữ tính.” Hà làm phóng viên chiến trường, và hiện là nhân viên của một hãng thông tấn Nhật Bản. Cô ưa hay ghét người nào cô nói thẳng với người ấy rằng cô ưa hay cô ghét. Cô không nói quanh co. Cô thích cà phê, thuốc lá và sự ... phiêu lưu. Bất cứ loại phiêu lưu nào cũng đều là những món ưa thích của Hà. Làm phóng viên chiến trường, theo Hà,

là một cách phiêu lưu không lãng mạn tí nào. Tôi nghĩ là tôi thích Hà, chỉ vì cô là người phụ nữ đặc biệt không đổ trách nhiệm cho ai. Mỗi người phải nhận trách nhiệm về việc làm của mình.

\*

Tôi sống tại Sài Gòn, làm việc trong một tòa soạn không cách xa nhà Trâm bao nhiêu. Khi báo chí làm rầm lên vụ tố cáo đám viên chức lạm quyền và tham nhũng, tôi nhận ra tên của chồng Trâm nằm trong danh sách những người lên bàn mổ. Nhiều tay mất chức, nhưng chồng Trâm gốc lớn, không những anh ta thoát khỏi cơn bão tố mà anh ta còn được thăng chức nữa.

Trâm đến tòa soạn gặp tôi sau ngày chồng cô, ông Ng., thoát khỏi cơn lốc của báo chí. Cô nói bố mẹ cô và cả gia đình cô muốn mời tôi dùng cơm. Nhưng tối hôm đó tôi có cái hẹn với Hà, cô vừa từ chiến trường trở về và nói muốn gặp tôi gấp. Tôi xin lỗi Trâm. Cô bảo:

– Tiếc quá, vậy mà em cứ định ninh là anh sẽ nhận lời. Vâng, vậy thì để em về thưa lại với bố mẹ em và chồng em. Bố em có bảo, nếu bất ngờ mà anh ấy bận thì mình hẹn ngày mai nhé. Vâng, thế thì mai anh nhé!

Nhưng hôm sau, tôi đến nhà Trâm trễ vì phải đưa Hà lên phi trường quân sự ngay. Đây là một chuyến đi bất ngờ. Mặt trận cao nguyên đang bùng nổ trở lại. Hãng thông tấn đòi Hà lấy tin và ảnh vụ này. Hà bảo tôi:

– Cuộc chiến hồi này ác liệt quá. Tôi sợ lần tới bạn không còn dịp gặp tôi nữa đâu. Đưa giùm tôi lên phi trường đi. Để sau khỏi bị hối hận vì không tốt với bạn bè.

Tôi đâu còn cách nào khác. Cho nên khi đến nhà Trâm, bữa cơm đã xong và chỉ còn mỗi mình Trâm ở nhà. Tôi thấy mình bất lịch sự quá. Và thật tình tôi không biết phải nói sao.

– Bố mẹ em đã về, còn chồng em vừa vào Dinh có buổi họp gấp.

– Sao anh đến trễ quá vậy?

Tôi nói với Trâm rằng tôi vô cùng ân hận,... Trâm bảo cô cũng rất ân hận, phải chi tôi đến sớm một chút. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao ba mẹ và cả chồng Trâm cần gặp tôi. Có phải là ông

Ng. muốn tôi làm tay trong ngăn những bài báo viết bất lợi cho ông, hay là ông muốn tôi làm trung gian lo lót cho tờ báo viết tốt về ông? Có phải là ông nghĩ rằng tôi có khả năng đánh bóng một người như ông ta? Chẳng ai nói với tôi điều gì, nhưng tôi nhìn Trâm ngồi buồn bã hai tay bưng cằm, hai con mắt ướt lóng lánh nước, tôi bỗng nhận ra sắc đẹp của cô, một sắc đẹp không có gì cưỡng chống lại nổi.

Những giọt nước mắt đỏ của Trâm làm tôi chơi vơi. Sau cùng cô cũng cho tôi biết một chút sự thật:

– Chồng em bảo chính anh và tờ báo của anh đã cố tình giết anh ấy. Nhưng anh ấy sẽ không chết đâu. Anh ấy muốn mời anh dùng cơm hôm nay là để nói lên điều đó. Bố mẹ em và em muốn anh có mặt để chính bố em sẽ nói cho anh ấy

biết là anh ấy đã lầm. Anh không dính gì trong vụ này, và nếu mà chồng em tham những thì chắc anh cũng sẽ là người viết bài đả kích anh ấy thôi. Nhưng rất tiếc.

Tôi nói với Trâm là tôi cảm ơn cô. Và tôi xin hỏi liệu những điều cô nói có ảnh hưởng gì đến hạnh phúc gia đình cô không?

Hạnh phúc của Trâm? Tôi tự hỏi có thật là cô hạnh phúc không và có phải là thật tình tôi mong muốn nhìn thấy hạnh phúc của cô không? Nhưng, tôi bỗng giật mình tại sao lại có ý nghĩ đó. Dù sao tôi cũng thấy khá ngạc nhiên về câu chuyện bữa cơm mà Trâm vừa kể cho tôi nghe.

Điều gì khiến ba mẹ cô và cô đứng về phía tôi? Chúng tôi đâu đã kịp thân nhau để che chở và bảo vệ cho nhau. Cái khoảng cách giữa Trâm và tôi còn quá xa

làm sao để cô chọn một cách đứng trong quan hệ xã hội này? Tôi vẫn không tìm ra được câu trả lời.

Cho đến một ngày rất tình cờ, tôi gặp lại Trâm trong tiệm bách hóa Saigon Departo đường Tự Do. Trâm nói cô đã chia tay với ông Ng.

– Anh ấy nhiều tham vọng quá. Anh ấy nói sắp nhận một chức vụ lớn trong chính phủ. Anh cần một người đàn bà đứng sau lưng hỗ trợ cho chồng trong sự nghiệp, chứ không cần một người đàn bà đứng trước mặt ngăn trở con đường công danh của mình. Không có chuyện làm giấy tờ ly dị lúc này, nhưng trước sau gì cũng phải đến chỗ đó thôi.

Tôi hỏi thế cô có buồn không? Trâm bảo không buồn mà cũng không vui. Và cô hỏi tôi đang làm gì, đời sống tôi bây

giờ ra sao? Tôi bảo thì cũng thế thôi. Bao giờ cũng thế thôi. Và tôi mời Trâm đi uống cà phê.

Trâm có vẻ gầy hơn trước một chút, mắt cô đen hơn, chiếc mũi cao và nhỏ, những sợi tóc dài và mềm chải phồng ra phía sau ót, và vẫn nụ cười buồn bã trên một khuôn mặt rục rỡ. Cô nói có lẽ cô sẽ đi xa. Cô sẽ mang con về nhà gửi cho ba mẹ cô và cô sẽ đi ra khỏi thành phố này ít lâu. Cô chưa biết đi đâu, nhưng chắc chắn là phải đến một nơi không có một người quen nào để có thì giờ suy nghĩ về mình.

Tháng Bảy một điện tín khẩn của mẹ tôi đánh từ Nha Trang vào cho biết cha tôi vừa mới mất. Tôi vội vã lấy vé máy bay trở về thành phố. Ở nghĩa trang dành riêng cho gia đình họ Nguyễn, khi hạ huyệt tôi chợt nhìn thấy một khuôn



mặt xinh đẹp với chiếc kính đen gọng to, lần sau những thân bằng quyến thuộc. Tôi giật mình nhận ra Trâm và cả bố mẹ Trâm cùng có mặt trong những người đưa tiễn.

Đám tang diễn ra đơn giản. Mẹ tôi khóc hết nước mắt. Và tôi ngạc nhiên thấy mình không còn lấy một giọt nước mắt để khóc cha. Cho mãi tới sáng ngày hôm sau, ra biển một mình, tựa lưng vào gốc cây dừa, tôi mới nghe những dòng nước mắt mình chảy ướt mặt mũi. Tôi khóc thương cha, khóc thương những ngày ấu thơ không gần gũi cha, khóc thương những xung đột thường trực giữa cha và tôi mà cả hai chúng tôi vì là đàn ông đã không bao giờ phải nói ra.

“Cha ơi!” Tôi nghe tiếng tôi kêu lên trong tiếng nấc. “Anh làm sao thế?”

Câu hỏi bất ngờ làm tôi giật mình. Tôi tưởng buổi sáng hôm nay chỉ có một mình tôi trên bãi cát này. Và tôi tưởng những giọt nước mắt này của một người đàn ông sẽ không bao giờ bị ai bắt gặp. Vậy mà... đúng, người hỏi tôi là Trâm.

Trong khi chờ đợi ngày trở lại Sài Gòn, Trâm đã ra biển và cô đã vô tình nhìn thấy những giọt nước mắt của tôi.

Vậy đó mà chúng tôi sáp gần lại nhau.

Tôi vừa mất một người cha và Trâm vừa chia tay một người chồng.

\*

Đêm trên bãi biển Trâm đã nói về những khó khăn mà cô đang gặp, những

bực dọc phiền muộn mà cô đang gánh chịu về phía nhà cô cũng như bên phía nhà chồng. Trâm nói về đứa con gái không còn bố của cô, việc học hành và cái tương lai mờ mịt của nó. Cô cũng nói đến những khó khăn trong những ngày sắp tới, ngôi biệt thự ở đường Đoàn Thị Điểm đã đóng cửa bỏ không. Cô sẽ dọn về nhà cha mẹ cô trong khu cư xá Lữ Gia. Trâm nói ban đêm cô ngủ không đầy giấc vì tiếng bom nổ nghe như mỗi lúc một gần, tiếng gầm rú của máy bay làm rung động những bức tranh treo trên tường.

Tôi không nhớ mình đã nói gì với Trâm, nhưng tôi chắc một điều tôi không nói với Trâm những gì tôi nghĩ về cô. Có vẻ như cả hai chúng tôi đều tìm cách lẩn tránh khi sắp phải nói về chính mình. Và rồi những lần đi chung với nhau thăm Tháp Bà, Hòn Chồng, cầu Đá,... giữa

những câu chuyện vô nghĩa, chúng tôi đã lơ mơ thấy hiện ra những đốm lửa cuồng điên vừa nhen nhúm cháy lên. Tôi, và hình như cả Trâm nữa, đều biết rằng chỉ cần một cơn gió nhỏ thế nào ngọn lửa kia cũng sẽ bùng cháy.

Và chúng tôi đã cháy như hai cây đuốc.

Chưa bao giờ tôi nói yêu Trâm và cô cũng không một lần nói yêu tôi, mặc dù sau cùng chúng tôi đã đam mê chia sẻ cho nhau tất cả những khát khao ham muốn của thân xác và ý nghĩ.

Nha Trang, thành phố của tuổi nhỏ tôi giờ đây đang nhìn thấy một cái tôi khác đang trưởng thành.

Trở về thành phố để đưa tiễn cha đi, tôi gặp được một mối tình cuồng nhiệt,

mối tình mà tôi không bao giờ nghĩ rằng nó có thể trở thành hiện thực.

- Anh vẽ cái gì vậy?
- Vòng tròn. Trâm không thấy sao?
- Vòng tròn?

Cô lặp lại như một câu hỏi chưa thấy lời giải đáp.

Tôi thấy Trâm mấp máy môi như muốn nói một điều gì, nhưng tôi không nghe thấy tiếng cô nói và tôi cũng chẳng buồn hỏi lại. Có thể là vì cô chẳng nói một điều gì hết, cũng có thể là cô chẳng mấp máy môi nữa, hoặc giả nếu có thì cái mấp máy môi kia có lẽ cũng chỉ là một biểu lộ về những lo âu của cô. Dẫu sao điều đó có hề gì.

Tôi vốc từng bụm cát rải lên cánh tay

trần của Trâm, da tay cô đã bắt nắng đen và những sợi lông măng trên cánh tay cô mới gọi cảm làm sao?

Trâm cầm dép đứng lên:

– Mình đi một vòng rồi về ăn cơm, anh.

Chúng tôi đi men theo rìa nước, thỉnh thoảng những con sóng tấp lên làm Trâm nhảy lùi lại và gọi tên tôi. Nước lạnh làm cô thích thú. Bàn tay Trâm nằm trong bàn tay tôi, những ngón tay mềm mại ẻo lả lạnh buốt như những sợi bún qua đêm. Và cả thân thể của cô nữa, suốt những ngày vừa qua sau đám tang cha tôi là một tiếp xúc tuyệt vời của một tình yêu thân xác.

Ngày mai tôi sẽ phải rời bỏ nơi này, bỏ lại một mối tình mùa hè, bỏ lại một

thành phố tuổi nhỏ. Tôi đã đưa Trâm đi thăm trở lại từng con đường, từng bóng cây, từng lùm dương, từng tảng đá, hàng me cao đầy bóng mát trước mặt nhà ga, làng Ngọc Hội với rừng dừa xanh um và con sông Ba nước trong suốt vào những buổi trời nắng lạng lẽ chảy dưới chân cầu xóm Bông,... là những nơi đã nhìn thấy tôi lớn lên trong một thứ tuổi thơ vàng úa. Tôi đã kể cho Trâm nghe mùa biển động nước tràn qua con lộ tấp tràn qua thêm nhà bưu điện, tiếng nhạc của nhà hàng Club Nautique mỗi chiều thứ Bảy, mùi hoa dạ lan và những đêm ngủ ở biển lạnh buốt, mùa hạ bãi cát đầy người và những mối tình thoáng qua...

Gió biển bắt đầu thổi lạnh buốt và tôi nghe rin rít chất muối bám vào da thịt tôi. Chúng tôi ôm chặt nhau như muốn tan biến vào nhau.

Tôi nghĩ đến chuyến bay trở lại Sài Gòn ngày mai.

Tôi nghĩ đến Hà, một tình bạn hiếm hoi mà tôi biết không phải lúc nào cũng tìm thấy được trong cõi đời này.

1969.

